

Số: 219/NQ-ĐHĐCĐ

Tuyên Quang, ngày 11 tháng 6 năm 2021

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TUYÊN QUANG NĂM 2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang;

Căn cứ Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty Cổ phần CTN Tuyên Quang;

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang ngày 11/6/2021;

Căn cứ Biên bản họp số 218/BB-ĐHĐCĐ ngày 11/6/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang năm 2021.

Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang năm 2021 được tổ chức vào hồi 07h00 ngày 11 tháng 6 năm 2021 tại Hội trường công ty - Số 103, đường Tôn Đức Thắng, tổ 09, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang với sự tham dự của 37 cổ đông, đại diện cho 8.903.600 cổ phần có quyền biểu quyết (trùng ứng với 8.903.600 phiếu biểu quyết), chiếm tỷ lệ 99,67% trên tổng số phiếu biểu quyết của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang.

Đại hội đồng cổ đông đã thảo luận và biểu quyết thống nhất với các nội dung chính như sau.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo của Ban Giám đốc về kết quả hoạt động SXKD năm 2020; phương hướng, nhiệm vụ năm 2021 của Công ty Cổ phần Cấp nước Tuyên Quang.

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020		So sánh tỷ lệ %	
			Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH	Cùng kỳ
I	Các chỉ tiêu về sản xuất:					
1	Sản lượng nước khai thác	m ³	9.545.655	10.384.221	+8,8	+4,1
2	Sản lượng nước tiêu thụ	m ³	7.350.000	7.658.717	+4,2	+5,5
3	Tỷ lệ thất thoát	%	23,0	26,2	3,2	-1,0
4	Định mức điện	Kw/m ³	0,37	0,37	0,00	-0,01
5	Phát triển khách hàng	Hộ	1.224	1.507	+23,1	+17

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020		So sánh tỷ lệ %	
			Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH	Cùng kỳ
II	Các chỉ tiêu về tài chính:					
1	Tổng doanh thu	Tr.đồng	63.000,0	67.495,8	+7,1	+4,67
2	Lợi nhuận thực hiện (Trước thuế)	Tr.đồng	2.260,0	3.434,1	+51,95	+24,46
3	Các khoản nộp ngân sách nhà nước	Tr.đồng	8.076,1	10.719,8	+37,7	+40,16
4	Thu nhập bình quân	1000 đồng	8.242,5	8.659,2	+5,06	+7,3

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2021	Ghi chú
I	Các chỉ tiêu về sản xuất:			
1	Sản lượng nước khai thác	m ³	9.555.875	
2	Sản lượng nước tiêu thụ	m ³	7.450.000	
3	Tỷ lệ thất thoát	%	22,0	
4	Định mức điện	Kw/m ³	0,37	
5	Phát triển khách hàng	Hộ	1.224	
II	Các chỉ tiêu về tài chính:			
1	Tổng doanh thu	Tr.đồng	63.762,3	
2	Lợi nhuận thực hiện (Trước thuế)	Tr.đồng	2.622,3	
3	Các khoản nộp ngân sách nhà nước	Tr.đồng	8.323,0	
4	Thu nhập bình quân	1000 đồng	8.294,72	

Điều 2. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang năm 2020; phương hướng, nhiệm vụ năm 2021.

Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang năm 2020; phương hướng, nhiệm vụ năm 2021.

Điều 4. Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang.

Điều 5. Thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang.

Điều 6. Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang.

Điều 7. Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang.

Điều 8. Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang.

Điều 9. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2020; Kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2021 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang.

1. Phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2020:

STT	Nội dung	Số tiền (VNĐ)
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.434.082.151
2	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.944.945.768
3	Chia cổ tức cho cổ động với tỷ lệ 3,0% /vốn góp của Chủ sở hữu (Tương ứng với 300đ/cổ phần)	2.679.960.000
4	Quỹ phúc lợi	264.985.768

2. Dự kiến Phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2021:

STT	Nội dung	Số tiền (VNĐ)
1	Tổng doanh thu	63.762.298.000
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.622.298.000
3	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.098.000.000
4	Dự kiến chia cổ tức cho cổ động với tỷ lệ 2,2% /vốn góp của Chủ sở hữu (Tương ứng với 220đ/cổ phần)	1.965.304.000
5	Quỹ phúc lợi	132.696.000

Điều 10. Thông qua Quỹ tiền lương, thù lao của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Thư ký công ty năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang.

1. Quỹ tiền lương, Thù lao năm 2020:

Đơn vị: đồng.

TT	Chức danh	Số lượng	Quỹ tiền lương, thù lao năm 2020	Ghi chú
I. Tiền lương:			1.835.683.630	
1	Chủ tịch HĐQT	01	372.600.000	
2	Ban kiểm soát	03	353.046.130	
3	Phó Giám đốc phụ trách	01	290.317.500	

4	Phó Giám đốc	02	558.900.000	
5	Kế toán trưởng	01	260.820.000	
II. Thù lao:			244.800.000	
1	Chủ tịch HĐQT	01	0	Chủ tịch HĐQT hưởng lương chuyên trách, không hưởng thù lao.
2	Thành viên HĐQT	05	150.000.000	
3	Thành viên BKS	03	73.200.000	
4	Thư ký công ty	01	21.600.000	
Tổng cộng			2.080.483.630	

2. Kế hoạch Quỹ tiền lương, Thù lao năm 2021:

Đơn vị: đồng.

TT	Chức danh	Số người	Quỹ tiền lương, thù lao năm 2021	Ghi chú
I. Tiền lương:			1.429.200.000	
1	Chủ tịch HĐQT	01	324.000.000	
2	Ban kiểm soát	03	360.000.000	
2	Giám đốc	01	275.400.000	
3	Phó Giám đốc	01	243.000.000	
4	Kế toán trưởng	01	226.800.000	
II. Thù lao:			244.800.000	
1	Chủ tịch HĐQT	01	0	Chủ tịch HĐQT hưởng lương chuyên trách, không hưởng thù lao.
2	Thành viên HĐQT	05	150.000.000	
3	Thành viên BKS	03	73.200.000	
4	Thư ký công ty	01	21.600.000	
Tổng cộng			1.674.000.000	

Điều 11. Thông qua Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang.

Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị công ty lựa chọn 01 trong 03 đơn vị kiểm toán độc lập theo tờ trình của HĐQT để thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của công ty.

Điều 12. Điều khoản thi hành.

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang năm 2021 thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và các cá nhân liên quan có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội, đảm bảo lợi ích của Cổ đông, Công ty và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành./.

Nơi nhận:

- UBCK Nhà nước; (Báo cáo);
- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- Các Cổ đông;
- Thành viên HĐQT;
- Ban Kiểm soát;
- Ban Giám đốc;
- Đăng tải website công ty;
- Lưu VT, Hồ sơ ĐHCĐ, Thư ký.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 
CHỦ TỊCH HĐQT



Lê Văn Hải

Số: 218/BB-ĐHĐCĐ

Tuyên Quang, ngày 11 tháng 6 năm 2021

**BIÊN BẢN ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TUYÊN QUANG NĂM 2021**

I. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẠI HỘI.

Hôm nay, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 theo Thông báo mời họp số 208/TB-HĐQT ngày 19/5/2021 của Hội đồng quản trị.

Thời gian: 07h 00 phút ngày 11 tháng 6 năm 2021.

Địa điểm: Hội trường Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang - Số 103, đường Tôn Đức Thắng, tổ 09, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

II. THÀNH PHẦN THAM DỰ.

Thành phần được mời tham dự phiên họp ĐHĐCĐ bao gồm: Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang và những người được Cổ đông ủy quyền.

III. NỘI DUNG ĐẠI HỘI.

A. PHẦN NGHI THỨC ĐẠI HỘI.

1. Tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần tham dự Đại hội.

2. Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại Hội.

Bà Phạm Thị Thắng, Trưởng Ban thẩm tra tư cách cổ đông thông qua Biên bản thẩm tra tư cách cổ đông:

Tổng số cổ đông được mời tham dự Đại hội là: 325 cổ đông, đại diện cho 8.933.200 cổ phần có quyền biểu quyết.

Tổng số Cổ đông/Người được ủy quyền có mặt tham dự Đại hội là 37 người (vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 11 tháng 6 năm 2021), đại diện cho 8.903.600 cổ phần có quyền biểu quyết (tương ứng với 8.903.600 phiếu biểu quyết), chiếm tỷ lệ 99,67% trên tổng số phiếu biểu quyết của công ty.

Căn cứ kết quả thẩm tra tư cách cổ đông; Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang năm 2021 đủ điều kiện để tiến hành phiên họp theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Điều lệ của công ty.

3. Bầu Đoàn Chủ tịch:

Đại hội đã nghe ông Nguyễn Quang Huy thay mặt Ban Tổ chức Đại hội giới thiệu bầu Đoàn Chủ tịch Đại hội với số lượng 03 người gồm các ông (bà) sau:

7.2. Thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội:

Đại hội đã nghe Bà Trần Thị Khánh thay mặt Đoàn Chủ tịch trình bày dự thảo Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang năm 2021.

Đại hội đã tiến hành biểu quyết thống nhất thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội với kết quả 37 thẻ biểu quyết, tương ứng với 8.903.600 cổ phần, đạt tỷ lệ 100% cổ phần có quyền biểu quyết dự Đại hội.

B. NỘI DUNG CHÍNH CỦA ĐẠI HỘI.

1. Báo cáo của Ban Giám đốc:

Đại hội đồng cổ đông đã nghe Ông Lê Văn Hoành, thành viên HĐQT, Giám đốc công ty trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020; phương hướng, nhiệm vụ năm 2021.

2. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị:

Đại hội đồng cổ đông đã nghe Ông Lê Văn Hải, Chủ tịch HĐQT trình bày Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020; phương hướng, nhiệm vụ năm 2021.

3. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát:

Đại hội đồng cổ đông đã nghe Bà Phạm Thị Thắng, Trưởng Ban kiểm soát trình bày Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020; phương hướng, nhiệm vụ năm 2021.

4. Các tờ trình:

Đại hội đồng cổ đông đã nghe Ông Lê Văn Hải, Chủ tịch Hội đồng quản trị thông qua 08 Tờ trình:

4.1. Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang.

4.2. Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang.

4.3. Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang.

4.4. Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang.

4.5. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang.

4.6. Tờ trình thông qua Phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2020; Kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2021 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang.

4.7. Tờ trình thông qua Quỹ tiền lương, thù lao của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Thư ký công ty năm 2020 và Kế hoạch năm 2021 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang.

4.8. Tờ trình thông qua Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang.

5. Thảo luận của cổ đông tại Đại hội.

Đại hội đã được nghe 06 ý kiến tham gia đóng góp của các cổ đông:

5.1. Ông Bùi Ngọc Tân - Trưởng phòng Kỹ thuật-QLCL tham gia đóng góp ý kiến vào báo cáo của Ban Giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020; phương hướng, nhiệm vụ SXKD năm 2021.

5.2. Bà Dương Thuý Lanh - Phó Trưởng phòng Kế hoạch - Kinh doanh tham gia đóng góp ý kiến về “Công tác xây dựng kế hoạch và định hướng phát triển sản xuất kinh doanh mang lại hiệu quả cao cho Doanh nghiệp”.

5.3. Bà Nguyễn Thị Hương- Giám đốc Chi nhánh CTN và DVMT Na Hang tham gia đóng góp ý kiến vào báo cáo của Ban Giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020; phương hướng, nhiệm vụ SXKD năm 2021.

5.4. Ông Tạ Hữu Tuấn - Giám đốc Chi nhánh Cấp thoát nước Hàm Yên tham gia đóng góp ý kiến về một số giải pháp thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2021.

5.5. Ông Vũ Trường Lâm - Giám đốc Chi nhánh CTN và DVMT Chiêm Hoá tham gia đóng góp ý kiến về những giải pháp để khắc phục những yếu kém tồn tại trong quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, giảm những chi phí bất hợp lý để tránh thất thoát, thất thu và lãng phí giúp tăng lợi nhuận cho Công ty.

5.6. Ông Trần Khánh Tùng - Đại diện nhóm Cổ đông bộ phận môi trường tại khu vực huyện Na Hang (hiện nay đã chấm dứt Hợp đồng lao động với công ty) có ý kiến về việc đề nghị Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, các Cổ đông khác của công ty xem xét, nghiên cứu mua lại cổ phần của nhóm cổ đông này.

6. Biểu quyết thông qua các Báo cáo và Tờ trình:

6.1. Ông Bùi Ngọc Tân, Trưởng Ban kiểm phiếu hướng dẫn nguyên tắc biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết tại Đại hội.

6.2. Cổ đông tham dự đại hội tiến hành bỏ phiếu biểu quyết thông qua các nội dung sau:

- Báo cáo của Ban giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020; phương hướng, nhiệm vụ năm 2021.

- Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020; phương hướng, nhiệm vụ năm 2021.

- Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020; phương hướng, nhiệm vụ năm 2021.

- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang.

- Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang.

- Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang.

- Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang.

- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020;

- Phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2020; Kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2021.

- Quỹ tiền lương, thù lao của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Thụ ký công ty năm 2020 và Kế hoạch năm 2021.

- Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2021.

7. Kết quả biểu quyết tại Đại hội:

- Phương thức biểu quyết: Cổ đông bỏ phiếu trực tiếp tại Đại hội.

- Căn cứ vào kết quả biểu quyết tại Đại hội, Ông Bùi Ngọc Tân - Trưởng Ban kiểm phiếu thông qua Biên bản kiểm phiếu biểu quyết.

- Các nội dung chính như sau:

+ Tại thời điểm biểu quyết: Số Cổ đông/Người được ủy quyền tham gia biểu quyết là 37 người, đại diện cho 8.903.600 cổ phần có quyền biểu quyết (tương ứng với 8.903.600 phiếu biểu quyết), chiếm tỷ lệ 99,67% trên tổng số phiếu biểu quyết của công ty.

+ Số phiếu phát ra : 37 phiếu, tương ứng với 8.903.600 phiếu biểu quyết.

+ Số phiếu thu về : 37 phiếu, tương ứng với 8.903.600 phiếu biểu quyết.

Kết quả bỏ phiếu từng nội dung như sau:

7.1. Thông qua Báo cáo của Ban giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020; phương hướng, nhiệm vụ năm 2021:

Đại hội nhất trí thông qua với 37 phiếu, tương ứng với 8.903.600 phiếu biểu quyết, đạt tỷ lệ 100%.

7.2. Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020; phương hướng, nhiệm vụ năm 2021:

Đại hội nhất trí thông qua với 37 phiếu, tương ứng với 8.903.600 phiếu biểu quyết, đạt tỷ lệ 100%.

7.3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020; phương hướng, nhiệm vụ năm 2021:

Đại hội nhất trí thông qua với 37 phiếu, tương ứng với 8.903.600 phiếu biểu quyết, đạt tỷ lệ 100%.

7.4. Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang:

Đại hội nhất trí thông qua với 37 phiếu, tương ứng với 8.903.600 phiếu biểu quyết, đạt tỷ lệ 100%.

7.5. Thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang:

Đại hội nhất trí thông qua với 37 phiếu, tương ứng với 8.903.600 phiếu biểu quyết, đạt tỷ lệ 100%.

7.6. Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang:

Đại hội nhất trí thông qua với 37 phiếu, tương ứng với 8.903.600 phiếu biểu quyết, đạt tỷ lệ 100%.

7.7. Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang:

Đại hội nhất trí thông qua với 36 phiếu, tương ứng với 8.899.800 phiếu biểu quyết, đạt tỷ lệ 99,96%.

7.8. Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020:

Đại hội nhất trí thông qua với 37 phiếu, tương ứng với 8.903.600 phiếu biểu quyết, đạt tỷ lệ 100%.

7.9. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2020; Kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2021:

Đại hội nhất trí thông qua với 37 phiếu, tương ứng với 8.903.600 phiếu biểu quyết, đạt tỷ lệ 100%.

7.10. Thông qua Quỹ tiền lương, thù lao của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Thư ký công ty năm 2020 và kế hoạch năm 2021:

Đại hội nhất trí thông qua với 37 phiếu, tương ứng với 8.903.600 phiếu biểu quyết, đạt tỷ lệ 100%.

7.11. Thông qua Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2021:

Đại hội nhất trí thông qua với 37 phiếu, tương ứng với 8.903.600 phiếu biểu quyết, đạt tỷ lệ 100%.

8. Thông qua Biên bản Đại hội:

Đại hội đã nghe ông Nguyễn Quang Huy, Trưởng Ban Thư ký Đại hội thông qua các nội dung của Dự thảo Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang năm 2021.

Đại hội đã biểu quyết thông qua các nội dung của Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang năm với kết quả 37 thẻ biểu quyết, tương ứng với 8.903.600 cổ phần, đạt tỷ lệ 100% cổ phần có quyền biểu quyết dự Đại hội.

9. Thông qua Nghị quyết Đại hội:

Đại hội đã nghe ông Nguyễn Quang Huy, Trưởng Ban Thư ký Đại hội thông qua các nội dung của Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang năm 2021.

Đại hội đã biểu quyết thông qua các nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang năm 2021 với kết quả 37 thẻ biểu quyết, tương ứng với 8.903.600 cổ phần, đạt tỷ lệ 100% cổ phần có quyền biểu quyết dự Đại hội.

10. Bế mạc Đại hội:

Đại hội đã nghe Ông Lê Văn Hải, Chủ tịch HĐQT - Chủ tọa Đại hội phát biểu bế mạc Đại hội.

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang năm 2021 kết thúc vào hồi 11h45 phút cùng ngày. Biên bản và Nghị quyết Đại hội sẽ được gửi tới quý Cổ đông bằng cách đăng tải trên website của công ty theo quy định./.

TM. BAN THƯ KÝ
TRƯỞNG BAN



Nguyễn Quang Huy

TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI



Lê Văn Hải

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020;
PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2021

PHẦN I
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

I. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH CHUNG CỦA CÔNG TY NĂM 2020.

Đến 31/12/2020, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang có tổng số lao động là: 277 người, trong đó: nam: 183 người; nữ: 94 người. Mô hình tổ chức hoạt động của Công ty bao gồm: Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, 04 phòng chức năng và 06 Chi nhánh trực thuộc.

Với ngành nghề kinh doanh chính là “Khai thác, xử lý và cung cấp nước”, Công ty quản lý và khai thác 36 giếng khoan và 07 trạm bơm xử lý nước mặt với tổng công suất khai thác trung bình là 28.450 m³/ngđ, sản lượng tiêu thụ trung bình là 20.983 m³/ngđ, cung cấp hầu hết nhu cầu sử dụng nước của người dân trong tỉnh, tỷ lệ bao phủ cấp nước đạt từ 80 đến 85% đối với các trung tâm huyện lỵ và trên 95% đối với địa bàn thành phố Tuyên Quang. Công ty luôn đảm bảo các cung cấp nước sử dụng cho trên 42.000 khách hàng, phục vụ cho mục đích sinh hoạt, kinh doanh dịch vụ và sản xuất, chất lượng nước đảm bảo theo quy định hiện hành của Bộ Y tế.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2020.

1. Kết quả một số chỉ tiêu chính trong SXKD:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020		So sánh tỷ lệ %	
			Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH	Cùng kỳ
I	Các chỉ tiêu về sản xuất:					
1	Sản lượng nước khai thác	m ³	9.545.655	10.384.221	+8,8	+4,1
2	Sản lượng nước tiêu thụ	m ³	7.350.000	7.658.717	+4,2	+5,5
3	Tỷ lệ thất thoát	%	23,0	26,2	3,2	-1,0
4	Định mức điện	Kw/m ³	0,37	0,37	0,00	-0,01
5	Phát triển khách hàng	Hộ	1.224	1.507	+23,1	+17
II	Các chỉ tiêu về tài chính:					
1	Tổng doanh thu	Tr.đồng	63.000,0	67.495,8	+7,1	+4,67

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020		So sánh tỷ lệ %	
			Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH	Cùng kỳ
2	Lợi nhuận thực hiện (Trước thuế)	Tr.đồng	2.260,0	3.434,1	+51,95	+24,46
3	Thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước	Tr.đồng	8.076,1	10.719,8	+37,7	+40,16
4	Thu nhập bình quân	đồng	8.242,5	8.659,2	+5,06	+7,3

Năm 2020 là một năm vô cùng khó khăn đối với hoạt động SXKD của các doanh nghiệp do ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh, đặc biệt là dịch Covid-19, các doanh nghiệp trong ngành nước cũng bị ảnh hưởng nặng nề. Nhưng với sự nỗ lực, cố gắng của Ban lãnh đạo và tập thể người lao động trong công ty, tình hình SXKD của công ty vẫn duy trì ổn định, có tăng trưởng; hầu hết đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch được giao. Cụ thể:

- Sản lượng nước tiêu thụ đạt 7.658.717m³, vượt 4,2% so với kế hoạch (tương ứng với 308.717m³).

- Tổng doanh thu đạt 67.495,8 triệu đồng, vượt 7,1% so với kế hoạch.

- Lợi nhuận thực hiện (trước thuế) đạt 3.434,1 triệu đồng, vượt 51,95% so với kế hoạch.

- Các khoản nộp ngân sách nhà nước đạt 10.719,8 triệu đồng, vượt 37,7% so với kế hoạch.

- Đảm bảo việc làm ổn định cho 277 lao động; tiền lương, thu nhập bình quân đạt mức khá so với các doanh nghiệp trong tỉnh (đạt 8.659.200 đồng/người/tháng); đóng nộp đầy đủ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

2. Những kết quả đã đạt được trong năm 2020:

a. Về hoạt động của Ban Giám đốc:

- Đã xây dựng quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên gắn với trách nhiệm và quyền hạn rõ ràng.

- Đã tổ chức điều hành tương đối tốt mọi hoạt động của công ty theo kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và Quyết định của HĐQT qua các kỳ họp. Thường xuyên báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo về những vấn đề thuộc thẩm quyền HĐQT.

- Các thành viên trong Ban Giám đốc đoàn kết, hoàn thành tốt nhiệm vụ, chức trách theo lĩnh vực được phân công.

b. Lĩnh vực sản xuất và quản lý chất lượng nước:

Hoạt động sản xuất ổn định, cấp nước an toàn; Chất lượng nước được giám sát bởi Trung tâm kiểm soát dịch bệnh tỉnh Tuyên Quang và luôn đảm bảo quy định của Bộ y tế.

c. Lĩnh vực kinh doanh, tiêu thụ:

- Tiếp tục thực hiện công tác chống thất thoát thông qua việc thay thế các tuyến ống thép cũ, ống HDPE chất lượng kém có hiện tượng rò rỉ, gây thất thoát nguồn nước, nâng cấp mở rộng các tuyến ống truyền tải bằng ống HDPE.

- Coi công tác chống thất thu là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục thông qua việc thực hiện rà soát, kiểm tra xác định mục đích sử dụng nước của khách hàng, nhằm phát hiện sai sót, thay đổi để điều chỉnh kịp thời, áp giá đúng đối tượng, đúng mục đích sử dụng, góp phần tăng doanh thu, nâng cao hiệu quả công tác quản lý của Ban giám đốc.

- Áp dụng khoa học công nghệ vào công tác quản lý, chăm sóc khách hàng, ghi chỉ số đồng hồ bằng thiết bị di động và phát hành hóa đơn điện tử, đẩy mạnh thanh toán tiền nước không dùng tiền mặt.

d. Lĩnh vực đầu tư xây dựng, mở rộng mạng lưới cấp nước, kiểm định, thay thế đồng hồ:

Năm 2020, công ty đã chú trọng đến việc mở rộng thị trường, mở rộng mạng lưới cấp nước trong toàn tỉnh tại tất cả các chi nhánh trực thuộc; thực hiện tốt công tác kiểm định chất lượng đồng hồ đo lưu lượng nước lắp đặt tại nhà khách hàng.

- Doanh thu từ xây dựng cơ bản và mở rộng mạng lưới cấp nước năm 2020 là: 3.185,2 triệu đồng, đạt 211,5% so với kế hoạch năm.

- Đầu tư nâng cấp, chuyển đổi hệ thống khử trùng bằng hóa chất Javen 12% để nâng cao chất lượng tại một số trạm cấp nước như: Trạm xử lý nước mặt 5.000m³/ngđ, Trạm cấp nước Tràng đà, Cây quân, Long Bình An tại khu vực thành phố; Trạm bơm tại Chi nhánh Na Hang, Chiêm Hóa và đang triển khai thi công tại trạm cấp nước Chi nhánh Hàm Yên.

- Cải tạo thành công bể lắng Lamen tại Trạm bơm Cây quân, đảm bảo nâng công suất từ 500 lên 800 (m³/ngđ).

- Trong năm toàn công ty đã tiến hành ký kết hợp đồng, lắp đặt phát sinh thêm 1.507 hộ sử dụng nước, tăng 283 hộ so với kế hoạch (tương ứng với 23,1%) và tăng 219 hộ so với năm 2019.

- Công tác kiểm định đồng hồ được thực hiện thường xuyên đúng với các quy định hiện hành của Nhà nước. Trong năm 2020, bộ phận kiểm định đã tiến hành kiểm định được 19.279 cái đồng hồ.

- Thực hiện thay thế đồng hồ đo nước lạnh lưu lượng D15 cấp A sang đồng hồ Multimag cấp B với tổng số là 5.795 đồng hồ.

e. Công tác quản trị:

- Thường xuyên rà soát, sửa đổi bổ sung hệ thống văn bản quản trị nội bộ trên cơ sở văn bản pháp luật hiện hành có liên quan, gắn với tình hình thực tiễn nhằm quản lý chặt chẽ trong công tác tài chính; phân công nhiệm vụ rõ ràng. Trên cơ sở đó, mỗi bộ phận, cá nhân người lao động đã nâng cao được ý thức, trách nhiệm.

- Từng bước nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua công tác đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cho người lao động cả về trình độ chuyên môn và lý luận chính trị; đề cao trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty.

III. CÔNG TÁC TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, LAO ĐỘNG VÀ CHÍNH SÁCH.

1. Công tác tổ chức, quản trị:

Bộ máy tổ chức nhân sự gồm:

* Ban Giám đốc: 03 người - 01 Giám đốc và 02 Phó Giám đốc.

* 04 Phòng chuyên môn: 55 người, Trong đó:

- Phòng Tổ chức Hành chính: 11 người

- Phòng Kỹ thuật - Quản lý chất lượng: 06 người;

- Phòng Tài chính-Kế toán: 29 người (Trong đó bộ phận thu ngân: 20 người);

- Phòng Kế hoạch - Kinh doanh: 09 người;

* 06 Chi nhánh trực thuộc: 222 người, Trong đó:

- Chi nhánh Xây lắp: 10 người;

- Chi nhánh Cấp thoát nước Thành phố: 103 người; (Bộ phận ghi số đồng hồ và chăm sóc khách hàng: 24 người);

- Chi nhánh Cấp thoát nước Hàm Yên: 18 người;

- Chi nhánh Cấp thoát nước và DVMT Chiêm Hóa: 46 người;

- Chi nhánh Cấp thoát nước và DVMT Na Hang: 20 người;

- Chi nhánh Cấp thoát nước Sơn Dương: 25 người.

2. Lao động và chính sách đối với người lao động:

a. Số lượng lao động, cán bộ quản lý:

- Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức, thực hiện luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ tại một số vị trí nhằm tăng cường hiệu quả trong công tác quản lý. Chuẩn bị công tác xây dựng nhân sự Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát cho nhiệm kỳ II (2022-2027).

- Số lượng lao động chi tiết như sau:

+ Lao động trực tiếp SXKD : 219 người.

+ Lao động thừa hành, phục vụ : 06 người.

+ Lao động chuyên môn nghiệp vụ : 48 người.

+ Lao động quản lý : 03 người.

+ Thư ký công ty : 01 người.

b. Chính sách đối với người lao động:

- Việc trả lương cho người lao động được căn cứ theo quy định hiện hành của Nhà nước và Quy chế trả lương của công ty.

- Tiền thưởng được chi trả cho người lao động căn cứ theo Quy chế Thi đua - Khen thưởng và kết quả đánh giá, xếp loại thông qua các đợt phát động thi đua.

- Hằng năm công ty luôn tiến hành rà soát mức lương của người lao động đảm bảo cao hơn mức lương tối thiểu vùng theo quy định của Nhà nước; Thực hiện đóng nộp đầy đủ chế độ bảo hiểm, trang bị bảo hộ lao động.

- Để đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động, công ty xây dựng các quy định thể hiện trong nội quy, quy chế, thỏa ước lao động tập thể. Mỗi năm tổ chức 01 đợt khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, chi trả chế độ ăn

ca, tổ chức tập huấn an toàn lao động cho người lao động theo quy định. Giải quyết đầy đủ chế độ ốm đau, thai sản, ngày nghỉ Phép - Lễ - Tết, trợ cấp khó khăn, thăm hỏi hiếu, hỉ, quan tâm bố trí công việc phù hợp cho lao động nữ.

IV. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN.

1. Tồn tại, hạn chế:

Trong năm 2020, mặc dù đã có nhiều cố gắng trong chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng tỷ lệ thất thoát nước vẫn còn ở mức cao, đạt 26,2%, tăng 3,2% so với kế hoạch.

2. Nguyên nhân:

Nguyên nhân khách quan:

- Một số tuyến ống chất lượng kém, xuống cấp, bục vỡ nhiều, nằm ngoài tầm kiểm soát;

- Cơ sở hạ tầng đô thị chưa được quy hoạch đồng bộ, vẫn đang trong giai đoạn xây dựng, mở rộng; nhiều tuyến ống cũ còn nằm trong lòng đường nhựa, đường bê tông nên việc xử lý bục vỡ còn gặp nhiều khó khăn.

Nguyên nhân chủ quan:

- Chưa chặt chẽ trong quản lý mạng lưới cấp nước, khắc phục bục vỡ trên tuyến có lúc chưa xử lý kịp thời.

- Sự phối hợp giữa các phòng, Chi nhánh trong công tác chống thất thoát nước còn hạn chế.

PHẦN II

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2021

I. MỤC TIÊU.

1. Về sản xuất kinh doanh:

- Xây dựng kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn, dài hạn, phấn đấu hoàn thành mục tiêu, kế hoạch và nghị quyết của ĐHĐCĐ đề ra, với sản lượng nước máy khai thác và tiêu thụ dự kiến đạt mức tăng trưởng bình quân khoảng 1-2%/năm, doanh thu tăng trưởng bình quân 2-3%/năm. Để đạt được điều này, ngoài việc tăng sản lượng bằng việc mở rộng mạng lưới cấp nước, Công ty còn phải tập trung vào việc giảm tỷ lệ thất thoát hiện nay từ 26,2% xuống mức 22% trong các năm tới bằng các biện pháp cụ thể, đặc biệt là phấn đấu tổ chức thực hiện có hiệu quả Phương án điều hành sản xuất kinh doanh, chống thất thoát, thất thu, giảm tiêu hao nguyên vật liệu giai đoạn 2021-2025.

- Duy trì ổn định và phát triển mạng lưới cung cấp nước cũng như thị trường tiêu thụ nước của công ty; đổi mới, nâng cao kỹ năng quản lý; cải tiến dây truyền sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ, để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng. Tạo môi trường làm việc thân thiện, năng động và hiệu quả trên nền tảng văn hoá công ty là: trung thực, đoàn kết và cầu thị.

2. Về quản lý tài chính:

Tiếp tục hoàn thiện năng lực quản lý tài chính Công ty, quản lý các nguồn đầu tư, sử dụng các công cụ phân tích, dự báo phục vụ cho công tác hoạch định kinh doanh, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

3. Về tổ chức bộ máy hoạt động:

Tiếp tục ổn định cơ cấu bộ máy tổ chức hoạt động phù hợp với tốc độ phát triển, xây dựng đội ngũ cán bộ công nhân viên đoàn kết, thống nhất, tận tâm vì mục tiêu phát triển chung của Công ty.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2021.

1. Thực hiện nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh:

- Duy trì ổn định và phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2021 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2021	Ghi chú
I	Các chỉ tiêu về sản xuất:			
1	Sản lượng nước khai thác	m ³	9.555.875	
2	Sản lượng nước tiêu thụ	m ³	7.450.000	
3	Tỷ lệ thất thoát	%	22,0	
4	Định mức điện	Kw/m ³	0,37	
5	Phát triển khách hàng	Hộ	1.224	
II	Các chỉ tiêu về tài chính:			
1	Tổng doanh thu	Tr.đồng	63.762,3	
2	Lợi nhuận thực hiện (Trước thuế)	Tr.đồng	2.622,3	
3	Thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước	Tr.đồng	8.323,0	
4	Thu nhập bình quân	đồng	8.294,72	

- Tiếp tục áp dụng khoa học - kỹ thuật, áp dụng các phần mềm chuyên ngành phục vụ cho sản xuất kinh doanh.

- Tiếp tục thực hiện thay thế đồng hồ cấp A sang đồng hồ cấp B theo kế hoạch đã được HĐQT phê duyệt.

- Xây dựng văn hoá công sở lành mạnh, đào tạo và hướng dẫn kỹ năng giao tiếp, kỹ năng chăm sóc khách hàng cho người lao động để ngày càng nâng cao uy tín và thương hiệu của công ty.

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp lại bộ máy quản lý, đảm bảo tinh gọn, phù hợp, hiệu quả.

- Duy trì và giữ vững thị trường hiện tại; thực hiện tốt công tác tiếp thị khách hàng, mở rộng thị trường cấp nước trên địa bàn các Chi nhánh quản lý, tập trung chủ lực vào Chi nhánh Cấp thoát nước thành phố.

- Thực hiện có hiệu quả “Phương án điều hành SXKD, chống thất thoát, thất thu và giảm tiêu hao nguyên vật liệu giai đoạn 2020-2030” đã được Ban Giám đốc

phê duyệt, tập trung vào giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch cải tạo, thay thế, sửa chữa các tuyến ống và một số hạng mục công việc giai đoạn 2021-2025 theo Phương án đã được HĐQT phê duyệt.

- Đẩy mạnh việc thanh toán tiền nước không dùng tiền mặt trên địa bàn thành phố theo đúng đề án của Chính phủ (Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 23/02/2018 và Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 13/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

- Cải tiến hệ thống quản trị theo hướng tiên tiến để đáp ứng yêu cầu phát triển của công ty.

- Thực hiện chức năng theo đúng phạm vi, quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Giám đốc được quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

2. Các công tác khác:

Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, chỉ đạo, phối hợp với các tổ chức đoàn thể trong việc phát động và tổ chức thực hiện các phong trào thi đua.

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN.

1. Tăng cường công tác chỉ đạo điều hành, giám sát, kiểm tra của Ban Giám đốc công ty theo chức năng nhiệm vụ; kịp thời bổ sung những nội dung phù hợp với quy định hiện hành và tình hình thực tiễn của đơn vị.

2. Nâng cao năng lực quản lý, trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, nhân viên các phòng, chi nhánh; tập huấn nâng cao tay nghề, ý thức trách nhiệm, thái độ làm việc, kỹ năng giao tiếp cho người lao động.

3. Chỉ đạo quyết liệt, có biện pháp, giải pháp, cơ chế phù hợp để các chi nhánh nâng cao sản lượng nước tiêu thụ, giảm tỷ lệ thất thoát, thất thu nước, giảm định mức điện, nâng cao toàn diện chất lượng dịch vụ.

4. Chỉ đạo sản xuất an toàn, chất lượng, tiết kiệm, hiệu quả.

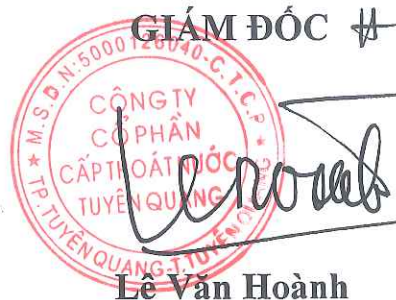
Trên đây là Báo cáo của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020; phương hướng, nhiệm vụ năm 2021 và một số giải pháp nhằm hoàn thành tốt kế hoạch được giao.

Trân trọng báo cáo!

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông (Báo cáo);
- Thành viên HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Ban Giám đốc;
- Lưu: VT; Thư ký công ty.

GIÁM ĐỐC #



Lê Văn Hoàn

Số: 209/BC-HĐQT

Tuyên Quang, ngày 19 tháng 5 năm 2021

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020;
PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2021

I. Đánh giá tình hình hoạt động của công ty trong năm tài chính 2020.

1. Tổng quan.

Năm 2020 là một năm vô cùng khó khăn đối với hoạt động SXKD của các doanh nghiệp do ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh, đặc biệt dịch đại dịch Covid-19 đã làm cho nhiều doanh nghiệp phải ngừng hoạt động SXKD, trong đó các doanh nghiệp trong ngành nước cũng bị ảnh hưởng nặng nề. Nhưng với sự quyết liệt chỉ đạo của HĐQT, sự nỗ lực điều hành của Ban giám đốc cùng với sự đoàn kết, nhất trí cao của toàn thể người lao động, tình hình SXKD của công ty vẫn đảm bảo duy trì ổn định, có tăng trưởng, công ty đã khắc phục mọi khó khăn, cơ bản hoàn thành các mục tiêu của Đại hội đề ra.

2. Những kết quả đã đạt được trong năm 2020.

Trong năm 2020, tình hình hoạt động SXKD của công ty đảm bảo duy trì ổn định, cơ bản đã hoàn thành hầu hết các chỉ tiêu chủ yếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã thông qua. Sản lượng nước khai thác tăng 8,8%, sản lượng nước tiêu thụ tăng 4,2%, phát triển khách hàng tăng 23%, Tổng doanh thu tăng 7,1%, Lợi nhuận thực hiện tăng 51,9%, tỷ suất lợi nhuận/vốn góp cổ đông tăng 1,28%, các khoản nộp NSNN tăng 37,7%, đảm bảo việc làm ổn định cho 277 lao động với mức thu nhập bình quân 8.659.200 đồng/người/tháng. Lĩnh vực đầu tư xây dựng đã hoàn thành cải tạo một số tuyến ống cũ; Đầu tư nâng cấp chuyển đổi hệ thống khử trùng tại một số trạm cấp nước; Thay thế trên 5.000 đồng hồ cấp A lên cấp B theo đúng nghị quyết HĐQT đề ra. Tuy nhiên, vẫn còn 1 chỉ tiêu tỷ lệ thất thoát không hoàn thành tăng 3,2% so với Nghị quyết đại hội đề ra.

II. Hoạt động của Hội đồng quản trị.

1. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị công ty nhiệm kỳ 2017 - 2022 gồm 06 thành viên:

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Lê Văn Hải	Chủ tịch HĐQT.	Thành viên không điều hành
2	Ông Hoàng Quang Huy	Thành viên HĐQT	Thành viên không điều hành
3	Bà Nông Thị Song Vân	Thành viên HĐQT	Thành viên không điều hành
4	Ông Lê Văn Hoàn	Thành viên HĐQT - Phó Giám đốc.	Thành viên điều hành

5	Ông Phạm Quang Sâm	Thành viên HĐQT - Phó Giám đốc phụ trách	Thành viên điều hành
6	Bà Trần Thị Khánh	Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng	Thành viên điều hành

2. Hoạt động của HĐQT.

Hoạt động của HĐQT tuân thủ theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật hiện hành. Các quyết định của HĐQT được thông qua theo nguyên tắc đa số. Thành viên HĐQT đã thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, đảm bảo lợi ích tối đa của công ty và cổ đông.

Trong năm 2020, HĐQT đã hoàn thành tốt chức năng nhiệm vụ trong việc chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ban giám đốc thông qua các Quy chế, Nghị quyết, Quyết định; Việc chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát thường xuyên của HĐQT đối với Ban Giám đốc trong công tác tổ chức thực hiện Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đã giúp cho công tác điều hành hoạt động SXKD đạt hiệu quả.

3. Bồi dưỡng, đào tạo nâng cao kiến thức quản trị công ty cho các thành viên HĐQT:

Năm 2020, công ty đã cử 03 thành viên HĐQT tham gia khóa đào tạo, bồi dưỡng về Xây dựng chiến lược phát triển doanh nghiệp do Trung tâm đào tạo bồi dưỡng ngành nước Việt Nam (VWTC) tổ chức.

4. Tiền lương, thù lao, tiền thưởng và các khoản lợi ích khác của Hội đồng quản trị năm 2020.

- Tiền lương của các thành viên HĐQT được trả theo đúng Quy chế trả lương người quản lý công ty được ban hành kèm theo Quyết định số: 50/QĐ-HĐQT ngày 28/03/2018.

- Thù lao của thành viên HĐQT được trả theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/11/2017 của Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang.

Ngoài các khoản tiền lương, thù lao công ty chi trả, các thành viên HĐQT không có thêm các lợi ích phát sinh khác.

5. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

Trong năm 2020, HĐQT đã tổ chức 06 phiên họp (Trong đó có 04 phiên họp định kỳ; 02 phiên họp bất thường) và 02 lần lấy ý kiến của các thành viên HĐQT bằng văn bản.

TT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông: Lê Văn Hải	6/6	100%	
2	Ông: Hoàng Quang Huy (ủy quyền cho ông Hoàng Quang Trung tham dự, theo giấy ủy quyền ngày 11/4/2018).	4/6	66,7%	Đi công tác đột xuất
3	Bà: Nông Thị Song Vân	4/6	66,7%	Nghỉ ốm

4	Ông: Lê Văn Hoàn	6/6	100%	
5	Ông: Phạm Quang Sâm	6/6	100%	
6	Bà: Trần Thị Khánh	6/6	100%	

Các cuộc họp của HĐQT được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các Quy chế nội bộ có liên quan. Thông qua các cuộc họp, HĐQT đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định để chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện các công việc cần thiết, đảm bảo công tác điều hành sản xuất kinh doanh có hiệu quả, mang lại lợi ích cho tập thể, công ty và các cổ đông.

III. Kết quả giám sát đối với Ban giám đốc:

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban giám đốc công ty trong năm 2020 đã được tiến hành thông qua các cuộc họp định kỳ, trao đổi thường xuyên giữa HĐQT với Ban giám đốc. Qua những kết quả đã đạt được trong năm, HĐQT đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ được giao của Ban Giám đốc như sau:

2.1. Về ưu điểm:

- Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của HĐQT, Ban giám đốc đã tổ chức điều hành tương đối tốt hoạt động của công ty theo kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được ĐHCĐ thông qua và Quyết định của HĐQT qua các kỳ họp; thực hiện tốt các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và HĐQT;

- Thực hiện tốt việc báo cáo định kỳ hằng tháng, hằng quý và các báo cáo đột xuất về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty khi có yêu cầu.

- Thực hiện nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, đảm bảo lợi ích tối đa của công ty và cổ đông.

- Ban Giám đốc đã xây dựng quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên gắn với trách nhiệm và quyền hạn rõ ràng.

- Các thành viên trong Ban giám đốc đoàn kết, hoàn thành tốt nhiệm vụ, chức trách theo lĩnh vực được phân công.

2. Về tồn tại, hạn chế:

- Chỉ tiêu Tỷ lệ thất thoát chưa hoàn thành kế hoạch đề ra (tăng 3,2%).

- Công tác chỉ đạo điều hành hoạt động SXKD của Ban giám đốc chưa năng động, sáng tạo, quyết liệt, đặc biệt trong công tác chống thất thoát còn thụ động, lúng túng, chưa có các giải pháp đồng bộ.

IV. Phương hướng hoạt động năm 2021:

1. Một số chỉ tiêu Kế hoạch SXKD năm 2021.

- Sản lượng nước khai thác : 9.555.875 m³

- Sản lượng nước máy tiêu thụ	: 7.450.000 m ³
- Tỷ lệ thất thoát	: 22 %
- Định mức điện	: 0,37 kw/m ³
- Phát triển khách hàng	: 1.224 hộ
- Tổng doanh thu	: 63.762,3 triệu đồng.
- Lợi nhuận thực hiện (trước thuế)	: 2.622 triệu đồng.
- Các khoản phải nộp NSNN	: 8.323 triệu đồng.
- Thu nhập bình quân	: 8.295.000 đ/ng/tháng

2. Các nhiệm vụ trọng tâm năm 2021.

Để thực hiện thành công kế hoạch SXKD năm 2021, HĐQT cam kết sẽ luôn cùng Ban giám đốc công ty xây dựng kế hoạch cụ thể, phù hợp với tình hình thực tiễn, chú trọng tổ chức thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Tăng cường chỉ đạo, giám sát, hỗ trợ Ban giám đốc thực hiện có hiệu quả Kế hoạch cải tạo, sửa chữa, thay thế các tuyến ống cấp nước và một số hạng mục công việc giai đoạn 2021-2025 theo "Phương án điều hành SXKD, chống thất thoát, thất thu và giảm tiêu hao nguyên vật liệu" đã được HĐQT phê duyệt.
- Cân đối bố trí nguồn vốn kịp thời để thực hiện kế hoạch cải tạo, sửa chữa và nguồn vốn để tiếp tục tổ chức thực hiện thay thế đồng hồ cấp A sang đồng hồ cấp B theo kế hoạch đã được HĐQT phê duyệt.
- Duy trì và giữ vững thị trường hiện tại; thực hiện tốt công tác tiếp thị khách hàng, mở rộng thị trường cấp nước trên địa bàn các Chi nhánh quản lý, đặc biệt chú trọng mở rộng thị trường trên địa bàn Thành phố.
- Phối hợp với các Ngân hàng trên địa bàn tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền đến khách hàng bằng nhiều hình thức khác nhau trong việc thanh toán tiền nước bằng hình thức không dùng tiền mặt theo đề án của Chính phủ (Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 23/02/2018 và Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 13/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh).
- Tiếp tục rà soát, sắp xếp lại bộ máy quản lý, đảm bảo tinh gọn, phù hợp, hiệu quả; Tăng cường công tác đào tạo cho cán bộ quản lý và người lao động, kết hợp đào tạo, bồi dưỡng cho phù hợp với từng đối tượng trong đó chú trọng công tác đào tạo thực hành, các kỹ năng mềm.
- Tiếp tục thực hiện luân chuyển cán bộ trong nội bộ công ty để giúp cho đội ngũ cán bộ quản lý trưởng thành, có kiến thức thực tiễn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong công tác quản lý, điều hành.

V. Đánh giá và kết luận:

Nhìn chung, năm 2020 Hội đồng quản trị đã nỗ lực chỉ đạo, giám sát Ban Giám đốc điều hành hoạt động SXKD của công ty theo đúng định hướng phát triển bền vững và hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu SXKD mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra. Các thành viên Hội đồng quản trị đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao,



Tuyên Quang, ngày 17 tháng 5 năm 2021

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020 VÀ PHƯƠNG
HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang năm 2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang;

Căn cứ Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty Cổ phần CTN Tuyên Quang;

Căn cứ báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát trân trọng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát các hoạt động trong năm 2020 và kế hoạch năm 2021 như sau:

PHẦN THỨ NHẤT
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020

I. Tình hình chung:

1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát của công ty có 03 thành viên, cụ thể như sau:

STT	Thành viên Ban Kiểm soát	Chức vụ	Trình độ chuyên môn
1	Bà: Phạm Thị Thắng	Trưởng BKS	Cử nhân Tài chính Kế toán
2	Ông: Vũ Mạnh Cường	Thành viên BKS	Cử nhân Tài chính Kế toán
3	Bà: Trịnh Thị Phương	Thành viên BKS	Cử nhân Tài chính Kế toán

2. Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2020:

* Các cuộc họp của Ban kiểm soát trong năm 2020:

TT	Thành viên Ban kiểm soát	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	Bà: Phạm Thị Thắng	04	100%	100%
2	Ông: Vũ Mạnh Cường	04	100%	100%
3	Bà: Trịnh Thị Phương	04	100%	100%

* Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và cổ đông:

- Giám sát Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của công ty; xem xét tính phù hợp các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong công tác quản lý.

- Tham dự các cuộc họp giao ban của công ty, các cuộc họp định kỳ và bất thường của HĐQT. Trong các cuộc họp, Ban kiểm soát tham gia ý kiến đóng góp với những nội dung về công tác SXKD, công tác đầu tư và một số công tác khác của công ty.

* Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với hoạt động Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc:

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý trong công ty để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ được giao. Đối với cổ đông, Ban kiểm soát không nhận được một khiếu nại nào về hoạt động của Công ty, về điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc.

- Trong thực thi công việc, Ban kiểm soát không gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, không can thiệp vào những việc ngoài phạm vi trách nhiệm của mình.

* Hoạt động khác của Ban Kiểm soát:

- Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Kiểm soát Báo cáo tài chính: Giám sát Ban điều hành trong việc thực hiện công tác tài chính; kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính hằng năm đảm bảo tính trung thực và chính xác trong việc ghi chép, cập nhật chứng từ, sổ sách kế toán; kiểm tra các hợp đồng kinh tế, hợp đồng lao động,... của công ty; kiểm soát chi phí, doanh thu, việc sử dụng vốn trong các khoản mục đầu tư của các dự án; thẩm định báo cáo tài chính trên cơ sở Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán độc lập.

- Giám sát việc thực thi công bố thông tin của công ty theo các quy định của Luật Chứng khoán, xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

3. Thù lao của thành viên Ban kiểm soát:

Thù lao của thành viên Ban kiểm soát được ĐHĐCĐ phê duyệt là:

- Trưởng Ban kiểm soát (01 người): 2.500.000 đồng/tháng;
- Thành viên Ban kiểm soát: (02 người): 1.800.000 đồng/tháng.

Tổng thù lao năm 2020 (từ 01/01/2020 đến 31/12/2020) của Ban kiểm soát là: 73.200.000 đồng. Các chi phí khác không phát sinh. Các khoản tiền lương, thu nhập khác và thù lao của Ban kiểm soát được thể hiện theo bảng sau:

Đơn vị: 1.000đ.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương, thu nhập khác	Thù lao	Tổng thu nhập
1	Phạm Thị Thắng	Trưởng BKS	132.617	30.000	162.617
2	Vũ Mạnh Cường	Thành viên BKS	125.051	21.600	146.651
3	Trịnh Thị Phương	Thành viên BKS	111.004	21.600	132.604

II. Giám sát tình hình hoạt động và Tài chính năm 2020.

Báo cáo tài chính năm 2020 của công ty bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Hệ thống chứng từ kế toán, sổ kế toán được lập, ghi chép và lưu trữ theo đúng quy định.

Báo cáo tài chính năm 2020 của công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K, là đơn vị đã được UBCK Nhà nước chấp thuận kiểm toán các Công ty đại chúng.

1. Tài sản – Nợ phải trả và Vốn chủ sở hữu:

- Tổng tài sản - Nguồn vốn :

(Chi tiết tại báo cáo tài chính năm 2020 sau kiểm toán).

+ Đầu năm 2020 : 141.468.662.546 đồng.

+ Cuối năm 2020 : 138.711.497.978 đồng.

2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020
1	2	3	4
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	64.490.712.042
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-

3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		64.490.712.042
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	49.340.015.803
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		15.150.696.239
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	75.305.665
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	963.108.478
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		963.108.478
8. Chi phí bán hàng	25		5.176.389.196
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		8.550.604.662
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		535.899.568
11. Thu nhập khác	31	VI.05	2.929.741.755
12. Chi phí khác	32	VI.06	31.559.172
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2.898.182.583
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		3.434.082.151
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	489.136.383
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		2.944.945.768

Sau khi xem xét, thẩm tra, Ban Kiểm soát đồng ý xác nhận số liệu tại Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K.

Ý kiến của Kiểm toán viên về Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty trích văn bản số 72/2020/BCKT-TC ngày 22/3/2021: “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

3. Hoạt động đầu tư năm 2020:

Trong năm 2020, công ty chủ yếu đầu tư cải tạo, sửa chữa các tuyến ống để phục vụ công tác chống thất thoát; sửa chữa một số hạng mục trong khuôn viên công ty; đầu tư áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất kinh doanh; hoàn thành các công trình do công ty đầu tư với tổng giá trị 3,05 tỷ đồng.

III. Đánh giá hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc.

Qua quá trình giám sát các hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc Công ty trong năm 2020, Ban kiểm soát không thấy điều gì bất

thường, HĐQT và Ban Giám đốc đã quản trị và điều hành với tinh thần trách nhiệm cao nhằm đem lại lợi ích lớn nhất cho Công ty và các cổ đông. Cụ thể:

1. Hoạt động của HĐQT:

HĐQT đã lãnh đạo, điều hành các hoạt động của Công ty đảm bảo tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, Nghị quyết đại hội đồng cổ đông trên cơ sở quyền lợi của Công ty, quyền lợi của các cổ đông và nghĩa vụ với Nhà nước.

Các cuộc họp do HĐQT triệu tập hầu hết đều đầy đủ các thành viên HĐQT và Trưởng Ban kiểm soát tham dự, nội dung các cuộc họp chủ yếu tập trung bàn về thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ, thực hiện các chỉ tiêu chính về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020, đề ra chiến lược phát triển Công ty, các kế hoạch hoạt động ngắn hạn, trung hạn và định hướng cho Ban Giám đốc điều hành các hoạt động của Công ty. Tài liệu họp được chuẩn bị chu đáo, thời gian, địa điểm đúng theo giấy mời họp.

HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn Quy định tại Quy chế làm việc, phù hợp với luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.

2. Hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:

- Ban Giám đốc đã bám sát, chấp hành và triển khai kịp thời các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết, quyết định của HĐQT, điều hành Công ty hoạt động ổn định. Các cuộc họp giao ban được duy trì thường xuyên, thành phần dự họp đầy đủ, nội dung họp tập trung giải quyết các vướng mắc trong điều hành, quản lý, đưa ra các biện pháp giải quyết và kết luận ngay trong cuộc họp.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Giám đốc đã tuân thủ đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Điều lệ Công ty. Công tác điều hành của Ban Giám đốc là hợp pháp, tuân thủ theo Nghị quyết của HĐQT, các Quyết định của Ban Giám đốc phù hợp với chức năng nhiệm vụ quyền hạn được giao.

- Tổ chức triển khai thực hiện tốt Chương trình cấp nước an toàn: Chất lượng nước được duy trì, đảm bảo theo quy định, tuy còn một số ý kiến của khách hàng nhưng không nhiều.

- Tổ chức triển khai thực hiện tốt việc áp dụng công nghệ thông tin vào quản lý, điều hành mang lại hiệu quả trong quản lý.

- Các chế độ, quyền lợi của người lao động được đảm bảo như: sắp xếp lực lượng lao động trong Công ty phù hợp với sức khỏe và trình độ của người lao động. Thực hiện các chế độ, chính sách đầy đủ, đúng quy định như: đóng nộp các loại bảo hiểm, chi trả lương, thưởng kịp thời, đầy đủ, chính xác, ngoài ra các chế độ phúc lợi khác luôn được đảm bảo duy trì, người lao động có việc làm ổn định, đời sống được đảm bảo. Các tổ chức chính trị xã hội: Công tác Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên, CCB được Công ty tạo điều kiện về thời gian, kinh phí để hoạt động theo đúng quy định của Nhà nước.

IV. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và HĐQT, Ban Giám đốc.

Trong năm 2020, Ban kiểm soát đã được tham dự các cuộc họp của HĐQT, họp giao ban của Ban Giám đốc Công ty, được cung cấp đầy đủ thông tin về các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban Giám đốc. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, Ban kiểm soát đã được HĐQT, Ban Giám đốc hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ. Các ý kiến của Ban kiểm soát luôn được HĐQT và Ban Giám đốc phản hồi đầy đủ, kịp thời.

V. Kết luận và kiến nghị của Ban kiểm soát.

1. Kết luận:

Trong năm 2020, Ban kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ của mình một cách độc lập, không có bất kỳ sự can thiệp nào từ bên ngoài vào hoạt động của Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động SXKD của Công ty. Tất cả các hoạt động này đều tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định liên quan. Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, được kiểm toán theo đúng quy định hiện hành.

2. Kiến nghị:

Để Công ty hoàn thành các chỉ tiêu năm 2021 được Đại hội đồng cổ đông thường niên biểu quyết thông qua, nhằm hạn chế những sai sót, rủi ro trong quá trình điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban kiểm soát đưa ra một số kiến nghị, giải pháp cụ thể như sau:

- Đẩy mạnh công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, xây dựng chính sách cán bộ và luân chuyển cán bộ hợp lý, phù hợp với hiện tại và yêu cầu phát triển của Công ty. Sắp xếp lao động hợp lý để nâng cao năng suất, có chính sách và phương án giảm những lao động dôi dư, không sử dụng.

- Tiếp tục hoàn thiện năng lực tài chính Công ty, sử dụng các công cụ phân tích, dự báo phục vụ cho công tác hoạch định, lập kế hoạch SXKD (Đảm bảo kết quả SXKD các quý trong năm được ổn định), nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

- Đẩy mạnh công tác chống thất thu thất thoát, công tác phát triển khách hàng nhằm giảm tỷ lệ thất thoát, duy trì và nâng cao chất lượng nước, nâng cao dịch vụ cấp nước.

- Tăng cường khâu kiểm soát nội bộ, giám sát chặt chẽ chi phí quản lý, chi phí sản xuất, đảm bảo việc sử dụng vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

- Không ngừng nâng cao công tác quản trị và điều hành, đảm bảo tạo điều kiện tối đa và phát huy năng lực của đội ngũ cán bộ điều hành để Công ty phát triển ổn định, đạt và vượt các chỉ tiêu kinh doanh, tài chính ĐHCĐ giao, đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa cho Công ty và cổ đông của Công ty.

- Tổ chức học tập, nâng cao nhận thức về an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ nhằm đảm bảo an toàn tuyệt đối trong sản xuất.

- Lựa chọn và tập trung các nguồn lực để triển khai các dự án đầu tư có hiệu quả. Các dự án phải có đề án phân tích hiệu quả đầu tư, thu hồi vốn.

- Thường xuyên phối hợp giữa chính quyền và các tổ chức đoàn thể; duy trì sự đồng thuận cao thông qua việc tổ chức thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng và công tác xã hội.

- Tiếp tục triển khai thực hiện tốt chương trình chống thất thoát, duy trì và nâng cao chất lượng nước, nâng cao dịch vụ cấp nước.

PHẦN THỨ HAI

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021

Căn cứ vào kết quả tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty. Ban kiểm soát đề ra kế hoạch hoạt động năm 2021 như sau:

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp giao ban công ty, các cuộc họp của HĐQT khi được thông báo.

- Giám sát các hoạt động tại Công ty trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021. Giám sát việc chấp hành các Quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc Công ty liên quan đến hoạt động SXKD.

- Kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động kinh doanh, tài chính, đầu tư năm 2021 của Công ty. Kiểm tra tính hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động SXKD, trong tổ chức kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính, phối hợp với các đoàn kiểm tra, kiểm toán khi có yêu cầu.

- Theo dõi kiểm tra và giám sát tình hình thực hiện và xử lý các khuyến nghị của các đoàn kiểm tra và cơ quan quản lý Nhà nước.

- Xem xét ý kiến phản hồi của Ban Giám đốc Công ty, của các cổ đông và người lao động tại các phòng, Chi nhánh.

- Thực hiện các công việc khác theo nhiệm vụ, quyền hạn của BKS.

Trên đây là báo cáo tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2021. Ban kiểm soát trân trọng báo cáo trước Đại hội, đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông (Báo cáo);
- Thành viên HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Ban Giám đốc;
- Lưu BKS, Thư ký công ty.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Phạm Thị Thắng

Số: 210/TTr-HĐQT

Tuyên Quang, ngày 19 tháng 5 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang

Kính gửi: Đại hội Đồng cổ đông thường niên
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang năm 2021.

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị quyết số 200/NQ-HĐQT ngày 10/4/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang bao gồm 21 chương, 65 điều.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Thành viên HĐQT;
- Ban Kiểm soát;
- Ban Giám đốc;
- Lưu VT, Thư ký công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 
CHỦ TỊCH



Lê Văn Hải

Số: 211/TTr-HĐQT

Tuyên Quang, ngày 19 tháng 5 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty
của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang

Kính gửi: Đại hội Đồng cổ đông thường niên
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang năm 2021.

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ
quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính
Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại
Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết
thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị quyết số 200/NQ-HĐQT ngày 10/4/2021 của Hội đồng quản
trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang.


Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang kính
trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ
về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang bao gồm
07 chương, 83 điều.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Thành viên HĐQT;
- Ban Kiểm soát;
- Ban Giám đốc;
- Lưu VT, Thư ký công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 
CHỦ TỊCH




Lê Văn Hải

Số: 212/TTr-HĐQT

Tuyên Quang, ngày 19 tháng 5 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang

Kính gửi: Đại hội Đồng cổ đông thường niên
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang năm 2021.

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị quyết số 200/NQ-HĐQT ngày 10/4/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang bao gồm 07 chương, 26 điều.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Thành viên HĐQT;
- Ban Kiểm soát;
- Ban Giám đốc;
- Lưu VT, Thư ký công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 

CHỦ TỊCH



Lê Văn Hải

Số: 213/TTr-HĐQT

Tuyên Quang, ngày 19 tháng 5 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang

Kính gửi: Đại hội Đồng cổ đông thường niên
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang năm 2021.

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị quyết số 200/NQ-HĐQT ngày 10/4/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang bao gồm 07 chương, 21 điều.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Thành viên HĐQT;
- Ban Kiểm soát;
- Ban Giám đốc;
- Lưu VT, Thư ký công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 
CHỦ TỊCH



Lê Văn Hải

Số: 214/TTr-HĐQT

Tuyên Quang, ngày 19 tháng 5 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020
(niên độ tài chính từ 01/01/2020 → 31/12/2020)

Kính gửi: Đại hội Đồng cổ đông thường niên
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang năm 2021.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Báo cáo tài chính Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang năm 2020 (niên độ tài chính từ 01/01/2020 → 31/12/2020) đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K kiểm toán ký ban hành ngày 22/03/2021.

Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty được đăng tải trên trang thông tin điện tử tại địa chỉ: <http://www.capthoatnuoctuyenquang.vn>.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Thành viên HĐQT;
- Ban Kiểm soát;
- Ban Giám đốc;
- Lưu VT, Thư ký công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 

CHỦ TỊCH



Lê Văn Hải

Số: 215/TTr-HĐQT

Tuyên Quang, ngày 19 tháng 5 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2020, dự kiến Kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2021

Kính gửi: Đại hội Đồng cổ đông thường niên
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang năm 2021.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K;

Căn cứ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2020;

Căn cứ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang thông qua Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, mức chi trả cổ tức năm 2020 và dự kiến kế hoạch phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, mức chi trả cổ tức năm 2021. Cụ thể như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, mức chi trả cổ tức năm 2020:

STT	Nội dung	Số tiền (VNĐ)
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.434.082.151
2	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.944.945.768
3	Chia cổ tức cho cổ động với tỷ lệ 3,0% /vốn góp của Chủ sở hữu (Tương ứng với 300đ/cổ phần)	2.679.960.000
4	Quỹ phúc lợi	264.985.768

- Hình thức chi trả cổ tức năm 2020: Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

- Thời điểm chi trả cổ tức năm 2020: Trong quý III năm 2021.

2. Dự kiến Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, mức cổ tức năm 2021:

STT	Nội dung	Số tiền (VNĐ)
1	Tổng doanh thu	63.762.298.000
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.622.298.000
3	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.098.000.000
4	Dự kiến chia cổ tức cho cổ động với tỷ lệ 2,2%/vốn góp của Chủ sở hữu (Tương ứng với 220đ/cổ phần)	1.965.304.000
5	Quỹ phúc lợi	132.696.000

Kính trình Đại hội đồng cổ động xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Thành viên HĐQT;
- Ban Kiểm soát;
- Ban Giám đốc;
- Lưu VT, Thư ký công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ #
CHỦ TỊCH



Lê Văn Hải

Số: 216/TTr-HĐQT

Tuyên Quang, ngày 19 tháng 5 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Quỹ tiền lương, thù lao của thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, Thư ký công ty năm 2020 và Kế hoạch năm 2021

Kính gửi: Đại hội Đồng cổ đông thường niên
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang năm 2021.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang;

Căn cứ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch SXKD năm 2021 của công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quỹ tiền lương, thù lao của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Thư ký công ty năm 2020 và Kế hoạch năm 2021. Cụ thể như sau:

1. Quỹ tiền lương, Thù lao năm 2020:

Căn cứ Quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/11/2017 của Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang.

Đơn vị: Đồng.

TT	Chức danh	Số lượng	Quỹ tiền lương, thù lao năm 2020	Ghi chú
I. Tiền lương:			1.835.683.630	
1	Chủ tịch HĐQT	01	372.600.000	
2	Ban kiểm soát	03	353.046.130	
3	Phó Giám đốc phụ trách	01	290.317.500	Ông Phạm Quang Sâm hưởng 11 tháng lương (từ 01/1/2020 đến 31/11/2020).
4	Phó Giám đốc	02	558.900.000	
5	Kế toán trưởng	01	260.820.000	
II. Thù lao:			244.800.000	
1	Chủ tịch HĐQT	01	0	Chủ tịch HĐQT hưởng lương chuyên trách, không hưởng thù lao.

2	Thành viên HĐQT	05	150.000.000	
3	Thành viên BKS	03	73.200.000	
4	Thư ký công ty	01	21.600.000	
Tổng cộng			2.080.483.630	

2. Kế hoạch Quỹ tiền lương, Thù lao năm 2021:

Đơn vị: Đồng.

TT	Chức danh	Số người	Quỹ tiền lương, thù lao năm 2021	Ghi chú
I. Tiền lương:			1.429.200.000	
1	Chủ tịch HĐQT	01	324.000.000	
2	Ban kiểm soát	03	360.000.000	
2	Giám đốc	01	275.400.000	
3	Phó Giám đốc	01	243.000.000	
4	Kế toán trưởng	01	226.800.000	
II. Thù lao:			244.800.000	
1	Chủ tịch HĐQT	01	0	Chủ tịch HĐQT hưởng lương chuyên trách, không hưởng thù lao.
2	Thành viên HĐQT	05	150.000.000	- 2,5tr/người/tháng x 12 tháng x 5 người.
3	Thành viên BKS	03	73.200.000	Trưởng BKS: 2,5tr/tháng x 12 tháng. - Thành viên BKS: 1,8tr/người/tháng x 12 tháng x 2 người.
4	Thư ký công ty	01	21.600.000	1,8tr/người/tháng x 12 tháng x 1 người.
Tổng cộng			1.674.000.000	

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Thành viên HĐQT;
- Ban Kiểm soát;
- Ban Giám đốc;
- Lưu VT, Thư ký công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ #
CHỦ TỊCH



Lê Văn Hải

Số: 217/TTr-HĐQT

Tuyên Quang, ngày 19 tháng 5 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021

Kính gửi: Đại hội Đồng cổ đông thường niên
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang năm 2021.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang;

Theo đề nghị của Ban kiểm soát công ty tại Tờ trình số 02/TTr-BKS ngày 11/5/2021 về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang.

Sau khi xem xét năng lực của các đơn vị kiểm toán, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 với các nội dung như sau:

I. Các tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán:

- Là đơn vị hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được cấp có thẩm quyền chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán năm 2021;
- Có kinh nghiệm kiểm toán đối với các công ty đại chúng tại Việt Nam;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
- Đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm;
- Đáp ứng yêu cầu của Công ty về phạm vi và tiến độ kiểm toán;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý phù hợp với chất lượng kiểm toán và phạm vi kiểm toán.

II. Danh sách các đơn vị kiểm toán:

Căn cứ các tiêu chí trên, Hội đồng quản trị đề xuất danh sách 03 đơn vị kiểm toán sau đây:

1. Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

- Trụ sở chính: Số 01 Lê Phụng Hiểu, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội.
- Tel : (024)38 241 990.
- Email : aasc@aasc.com.vn.
- Website : <http://www.aasc.com.vn/web/index.php>

2. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K.

- Trụ sở chính: Sàn Kinh tế - Thương mại và Dịch vụ, Phường Yên Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

- Tel : (024) 44 500 668.

- Email : thanglongkiemtoan@gmail.com .

- Website : <http://www.kiemtoanthanglongtdk.com>.

3. Hãng kiểm toán và định giá ATC.

Trụ sở chính: Tòa nhà ATC - Lô D12 - Khu đấu giá Vạn Phúc - P. Vạn Phúc - Quận Hà Đông - TP. Hà Nội.

Tel: (024) 32 000 162.

Fax: (024) 32 000 163.

Website: <http://www.atcf.vn>.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và uỷ quyền cho Hội đồng quản trị công ty lựa chọn 01 trong 03 đơn vị nói trên để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Thành viên HĐQT;
- Ban Kiểm soát;
- Ban Giám đốc;
- Lưu VT, Thư ký công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ~~+~~
CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]
Lê Văn Hải



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TUYÊN QUANG
(Sửa đổi, bổ sung)

Đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên
ngày 11 tháng 6 năm 2021.

Tuyên Quang, tháng 6/2021



MỤC LỤC

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	4
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời gian hoạt động của công ty.....	5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của công ty.	6
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	7
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của công ty.....	7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của công ty.	8
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	8
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.	8
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.	9
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	9
Điều 9. Chào bán cổ phần.....	9
Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần.	10
Điều 11. Thừa kế, tặng cho cổ phần.	10
Điều 12. Mua, mua lại cổ phần.....	11
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	12
Điều 13. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	12
Điều 14. Quyền của cổ đông.....	12
Điều 15. Nghĩa vụ của cổ đông.....	13
Điều 16. Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 18. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 19. Thay đổi các quyền.	17
Điều 20. Triệu tập họp, chương trình và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 21. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 22. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 23. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....	21



Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	22
Điều 25. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.	24
Điều 26. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.	24
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	25
Điều 27. Thành viên Hội đồng quản trị; Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.	25
Điều 28. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	26
Điều 29. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.	26
Điều 30. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.	28
Điều 31. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	28
Điều 32. Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	29
Điều 33. Biên bản họp Hội đồng quản trị.	30
Điều 34. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.	31
Điều 35. Người phụ trách quản trị công ty.	31
CHƯƠNG VIII. GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC	32
Điều 36. Tổ chức bộ máy quản lý.....	32
Điều 37. Người điều hành công ty.....	32
Điều 38. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc công ty.	32
Điều 39. Phó Giám đốc công ty.....	34
CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT.....	35
Điều 40. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát.	35
Điều 41. Thành phần Ban kiểm soát.....	35
Điều 42. Trưởng Ban kiểm soát.....	36
Điều 43. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	36
Điều 44. Trách nhiệm của Kiểm soát viên.	37
Điều 45. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	37
Điều 46. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.	37
CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC	38
Điều 47. Trách nhiệm của người quản lý công ty.	38
Điều 48. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	38
Điều 49. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	40
CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	41
Điều 50. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	41

CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	41
Điều 51. Công nhân viên và công đoàn.....	41
CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	42
Điều 52. Phân phối lợi nhuận, trả cổ tức:	42
CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	43
Điều 53. Tài khoản ngân hàng.....	43
Điều 54. Năm tài chính.....	43
Điều 55. Chế độ kế toán.....	44
CHƯƠNG XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	44
Điều 56. Báo cáo tài chính năm.....	44
Điều 57. Báo cáo thường niên.....	44
CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	44
Điều 58. Kiểm toán.....	44
CHƯƠNG XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP.....	45
Điều 59. Dấu của doanh nghiệp.....	45
CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY	45
Điều 60. Giải thể công ty.....	45
Điều 61. Gia hạn hoạt động.....	45
Điều 62. Thanh lý.....	45
CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	46
Điều 63. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	46
CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	46
Điều 64. Điều lệ công ty.....	46
CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	47
Điều 65. Ngày hiệu lực.....	47



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TUYỀN QUANG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Quyết định số 1089/QĐ-UBND ngày 25/7/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cấp thoát nước Tuyên Quang;

Căn cứ các quy định pháp luật hiện hành.

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 219/NQ-DHDCĐ ngày 11 tháng 6 năm 2021.

Bản Điều lệ này cùng với các quy định của hệ thống pháp luật Nhà nước sẽ chi phối toàn bộ hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang.

CHƯƠNG I
ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ.

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) “*Vốn điều lệ*” là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần;
- b) “*Vốn có quyền biểu quyết*” là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) “*Luật Doanh nghiệp*” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- d) “*Luật Chứng khoán*” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- e) “*Việt Nam*” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- f) “*Ngày thành lập*” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;
- g) “*Người điều hành doanh nghiệp*” là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng;

h) “*Người quản lý doanh nghiệp*” là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và các chức danh quản lý khác được Hội đồng quản trị công ty phê chuẩn;

i) “*Người có liên quan*” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

k) “*Cổ đông*” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty;

l) “*Cổ đông lớn*” là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

m) “*Thời hạn hoạt động*” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;

n) “*Cổ phần*” là vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau;

o) “*Cổ phiếu*” là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty;

p) “*Cổ tức*” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác;

q) “*Công ty*” là Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang;

r) “*Đại hội đồng cổ đông*” là toàn bộ các cổ đông có quyền biểu quyết của công ty, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty;

s) “*Hội đồng quản trị*” là Hội đồng quản trị của công ty;

t) “*Ban kiểm soát*” là Ban kiểm soát của công ty;

u) “*Địa bàn kinh doanh*” là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài nơi công ty được tiến hành các hoạt động kinh doanh hợp pháp;

v) “*Cán bộ quản lý khác*” là Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng; Giám đốc, Phó Giám đốc các đơn vị trực thuộc hoặc tương đương trở lên.

2. Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được giải nghĩa trong Bộ luật Dân sự, Luật Doanh nghiệp hoặc Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác thì có nghĩa như trong các văn bản pháp luật đó.

CHƯƠNG II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời gian hoạt động của công ty.

1. Tên công ty:

- Tên công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TUYÊN QUANG.**

- Tên công ty viết bằng tiếng Anh: **TUYEN QUANG WATER SUPPLY AND SEWERAGE JOINT STOCK COMPANY.**

- Tên công ty viết tắt bằng tiếng Anh: **TUWASE CO.,JSC.**

2. Hình thức tổ chức:

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Tuyên Quang theo Quyết định phê duyệt Phương án cổ phần hóa số 1089/QĐ-UBND ngày 25/7/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Công ty hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

3. Tư cách pháp nhân:

a) Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại các Ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các văn bản hiện hành của Nhà nước.

b) Vốn và tài sản riêng, chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác bằng toàn bộ tài sản của mình; chịu trách nhiệm dân sự và thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với các công ty con và công ty liên kết trong phạm vi số vốn do công ty đầu tư.

c) Quyền sở hữu, sử dụng và định đoạt đối với tên gọi, thương hiệu, biểu tượng riêng của công ty theo quy định của pháp luật.

4. Trụ sở đăng ký của công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 103, đường Tôn Đức Thắng, tổ 09, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam.

- Điện thoại: 02073 822 586.

- Fax: 02073 821 712.

- E-mail: mtv.capthoatnuoctq@gmail.com.

- Website: www.capthoatnuoctuyenquang.com.vn

5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Thời gian hoạt động: Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 60 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của công ty.

1. Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của công ty.

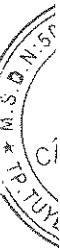
2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật.

a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp;

b) Trung thành với lợi ích của doanh nghiệp; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp về việc người đại diện đó và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác.

3. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho doanh nghiệp do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều này.



CHƯƠNG III
MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của công ty.

1. Ngành nghề kinh doanh của công ty:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước Chi tiết: Sản xuất và cung cấp nước	3600 (Chính)
2	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
3	Xây dựng nhà các loại	4100
4	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV	43210
5	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong ngành xây dựng Chi tiết: Bán buôn vật tư, thiết bị cấp, thoát nước	46639
6	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình đập, tràn	4290
7	Xây dựng công trình công ích Chi tiết: Xây dựng các công trình cấp nước, thoát nước; công trình xử lý nước sinh hoạt, nước thải dân dụng, công nghiệp; công trình kênh, mương	4220
8	Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ vật tư, thiết bị cấp, thoát nước	47529
9	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - <i>Thiết kế xây dựng/công trình cấp nước – thoát nước; Thiết kế xây dựng/nhà ở; thiết kế xây dựng/công trình công cộng; - Giám sát thi công xây dựng công trình: hạ tầng, dân dụng; - Khoan, thăm dò, điều tra khảo sát, khai thác nước ngầm.</i>	7110
10	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác Chi tiết: Dịch vụ vệ sinh công trình đô thị, công cộng	8129
11	Thu gom rác thải không độc hại	3811
12	Thu gom rác thải độc hại	3812
13	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3821
14	Tái chế phế liệu	3830
15	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại	3822
16	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan Chi tiết: Dịch vụ trồng, chăm sóc cây xanh trong đô thị	8130
17	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ	96320
18	Quản lý, bảo trì đường bộ đô thị, hành lang an toàn đường bộ và các công trình tương tự khác theo đường bộ; Quản lý, vận hành hệ thống cấp, thoát nước, đèn chiếu sáng đô thị; Quản lý, khai thác chợ; Tư vấn quản lý dự án đầu tư các công trình xây dựng cơ bản (không bao gồm tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính).	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam
19	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	71200

Khi cần thiết, Đại hội đồng cổ đông công ty quyết định việc bổ sung các ngành nghề kinh doanh và đăng ký mã ngành theo quy định của pháp luật.

2. Mục tiêu hoạt động kinh doanh của Công ty:

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang được thành lập nhằm mục tiêu:

- a) Vì sức khỏe cộng đồng và đáp ứng nhu cầu của khách hàng;
- b) Không ngừng nâng cao lợi ích của công ty, các cổ đông và người lao động;
- c) Tăng tích lũy và phát triển sản xuất kinh doanh của công ty;
- d) Huy động và sử dụng các nguồn lực để tổ chức sản xuất có hiệu quả nhằm tối đa hóa lợi nhuận, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, bảo đảm lợi ích tối đa cho các cổ đông;
- đ) Hoàn thành nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của công ty.

1. Công ty được phép hoạt động sản xuất kinh doanh trên phạm vi lãnh thổ nước Việt Nam và tập trung tối đa nguồn lực cho ngành nghề chính là khai thác, xử lý và cung cấp nước; bên cạnh đó cũng đẩy mạnh phát triển hoạt động thi công xây dựng, lắp đặt chuyên ngành cấp, thoát nước và các hoạt động dịch vụ tư vấn.

2. Công ty được phép tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với chiến lược phát triển chung của công ty và quy định của pháp luật hiện hành; thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của công ty.

3. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

CHƯƠNG IV VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.

1. Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang là: 89.332.000.000 đồng (*Bằng chữ: Tám mươi chín tỷ, ba trăm ba mươi hai triệu đồng*).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang được chia thành 8.933.200 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần.

Cơ cấu vốn của công ty:

- Vốn thuộc sở hữu nhà nước: 61.332.000.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu mươi một tỷ, ba trăm ba mươi hai triệu đồng chẵn*), tương ứng với 6.133.200 cổ phần, chiếm 68,66% vốn điều lệ.

- Vốn thuộc sở hữu của các nhà đầu tư và người lao động trong công ty: 28.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi tám tỷ đồng chẵn*), tương ứng với 2.800.000 cổ phần, chiếm 31,34% vốn điều lệ.

Vốn điều lệ được sử dụng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Không sử dụng vốn điều lệ để chia cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

10012
CỘNG
HÒA
XÃ HỘI
TUYÊN
QUANG

3. Các cổ phần của công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 14, Điều 15 Điều lệ này. Công ty có thể có cổ phần ưu đãi do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Cổ đông sáng lập: Công ty không đăng ký cổ đông sáng lập.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.

1. Cổ đông của công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 (Ba mươi) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của công ty hoặc trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại Phương án phát hành cổ phiếu của công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của công ty được phát hành có chữ ký của đại diện theo pháp luật và dấu của công ty.

Điều 9. Chào bán cổ phần.

1. Chào bán cổ phần được thực hiện theo quy định tại điều 123, 124, 125 Luật Doanh nghiệp.

2. Bán cổ phần:

Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ trường hợp sau đây:

- a) Cổ phần bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
- b) Cổ phần bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần hiện có của họ ở công ty;
- c) Cổ phần bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh; trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.

Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần.

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ cổ phần của Nhà nước nắm giữ (chỉ được chuyển nhượng theo quy định của pháp luật) và các trường hợp quy định về cổ phần chuyển nhượng có điều kiện bao gồm:

a) Cổ phần bán giá ưu đãi cho người lao động tại công ty theo số năm thực tế làm việc trong khu vực Nhà nước nhưng chưa thanh toán hết tiền mua cổ phần;

b) Cổ phần người lao động thuộc diện mua cam kết làm việc lâu dài tại công ty. Cổ phần ưu đãi diện cam kết bị hạn chế chuyển nhượng trong thời gian cam kết, trừ trường hợp theo quy định khác của pháp luật hiện hành.

2. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

3. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Thừa kế, tặng cho cổ phần.

1. Thừa kế cổ phần:

1.1. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của công ty. Công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế theo Pháp luật.

1.2. Người kế thừa hợp pháp phải thực hiện đầy đủ thủ tục đăng ký để trở thành cổ đông mới, được hưởng mọi quyền lợi và phải thực hiện mọi nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế. Cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cán bộ quản lý khác có quyền để lại di sản kế thừa là cổ phần, nhưng người được thừa kế quyền sở hữu cổ phần không được mặc nhiên thừa kế quyền làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các chức danh quản lý tương ứng.

1.3. Trường hợp cổ đông chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc truất quyền thừa kế thì số cổ phần mà họ sở hữu sẽ được xử lý theo quy định của Pháp luật về dân sự.

2. Tặng cho cổ phần:

Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của công ty.

3. Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 10, Điều 11 Điều lệ này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

3040-
GTY
'HÂN
DÂN
'QUA'
ANG-T

4. Công ty đăng ký thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 12. Mua, mua lại cổ phần.

1. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông:

a) Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết về các vấn đề quy định tại điểm này.

b) Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm a, khoản 1 điều này với giá thị trường trong thời hạn 90 (Chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng. Mọi chi phí về định giá này do cổ đông thanh toán.

2. Mua lại cổ phần theo quy định của công ty:

Công ty có quyền mua lại không quá 30% (ba mươi phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông đã bán theo quy định sau đây:

a) Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần từng loại đã được chào bán trong 12 tháng; hơn 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

b) Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại điểm c, khoản 2 điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường.

c) Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong công ty theo trình tự, thủ tục sau đây:

- Quyết định mua lại cổ phần của công ty phải được thông báo bằng phương thức để đảm bảo đến được tất cả các cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải gồm tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông bán cổ phần của họ cho công ty.

- Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức để đảm bảo đến được công ty trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc của người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần trong thời hạn nêu trên.

d) Việc mua lại cổ phần của công ty chỉ được phép thực hiện nếu không ảnh hưởng đến việc thanh toán các công nợ của công ty.

CHƯƠNG V CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 13. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Giám đốc.

CHƯƠNG VI

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 14. Quyền của cổ đông.

1. Cổ đông là người chủ sở hữu công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

a) Tham dự và phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo uỷ quyền. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, Điều 10 của Điều lệ này;

e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;

f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần sở hữu tại công ty;

h) Yêu cầu công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại khoản 1, Điều 12 của Điều lệ công ty;

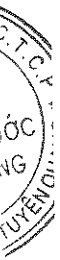
i) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do công ty công bố theo quy định của pháp luật;

j) Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (Năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau đây:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và các tài liệu khác, trừ các tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;



c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e) Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% (Mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

4.1. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm thỏa mãn các điều kiện quy định để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

4.2. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cụ thể như sau:

a) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử một ứng cử viên;

b) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa hai ứng cử viên;

c) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa ba ứng cử viên;

d) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa bốn ứng cử viên;

e) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 50% trở lên tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa năm ứng cử viên;

Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

5. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử công ty.

Điều 15. Nghĩa vụ của cổ đông.

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo vệ tài sản, lợi ích của công ty.

6. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

7. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết bằng các hình thức khác nhau theo quy định của pháp luật.

8. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

9. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 16. Đại hội đồng cổ đông.

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm 01 (một) lần và trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, công ty phải mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

3. Đại hội đồng cổ đông bất thường:

Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e). Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do Cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ Công ty;

h) Công việc khác phục vụ cuộc họp.

6. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các điểm a, b, c khoản 4 Điều này sẽ được công ty hoàn lại.

Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

1. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% (Ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh của công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty;
- đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;



- n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi công ty;
- o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) công ty và chỉ định người thanh lý;
- p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% (*Ba mươi lăm phần trăm*) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- q) Quyết định mua lại trên 10% (*mười phần trăm*) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (*ba mươi lăm phần trăm*) tổng giá trị tài sản của công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 18. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty ban hành đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật về dân sự. Văn bản ủy quyền phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức.

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 19. Thay đổi các quyền.

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc

được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 21, 22 và 23 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 20. Triệu tập họp, chương trình và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 16 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu của công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng

000
CỔ
CČ
PH
UYỆ
QU.

trên trang thông tin điện tử của công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ; nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% (*Năm phần trăm*) cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 21. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% (*năm mươi phần trăm*) tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 (*ba mươi ngày*) kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% (*ba mươi ba phần trăm*) tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 (*hai mươi*) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp.

Điều 22. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được kiểm trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được kiểm sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa thông báo ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Diễn biến Đại hội phải được ghi chép vào biên bản và phải có chữ ký của Chủ tọa, thư ký và Trưởng ban kiểm phiếu (nếu có). Các trích lục biên bản đại hội phải có chữ ký của chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc hai thành viên Hội đồng quản trị.

8. Người triệu tập hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

9. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

10. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 9 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

Điều 23. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành (trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4, 6 Điều này):

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

e) Tổ chức lại, giải thể công ty.

2. Các Nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, 3, 4, 6 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho

một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử.

4. Trường hợp thông qua Nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành;

5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày thông qua; việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

7. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, điều 23, Điều lệ công ty.

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 20 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

746
TY
ÂN
TNI
JAI
1.1

f) Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 25. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được áp dụng.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm kết thúc cuộc họp.

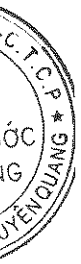
5. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 26. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 14 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 23 của Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.



CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 27. Thành viên Hội đồng quản trị; Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và các quy định của công ty như sau:

- a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên, có kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty.
- c) Là cổ đông của công ty.
- d) Chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.
- e) Không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc và người quản lý khác của công ty.

2. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị:

2.1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới công ty và các bên có liên quan của công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có);

g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 4, Điều 14 Điều lệ này.

2.3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử viên vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

2.4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 điều này.

Điều 28. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 06 (sáu) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong khi bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế trong trường hợp sau:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 27 của Điều lệ này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

5. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.

6. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba.

Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

7. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 29. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;

0128
HỘI
CỔ Đ
PH
TUY
ENQ

e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại điểm a, điểm b, khoản 2 Điều 12 Điều lệ công ty;

f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% (*ba mươi lăm phần trăm*) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng công ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó. Thông qua bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, điều động, luân chuyển đối với cán bộ quản lý khác.

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; Đình chỉ các quyết định của Giám đốc công ty nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ, nghị quyết hoặc các quy định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ; quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các phòng, ban, các đơn vị trực thuộc công ty; quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán và các báo cáo khác theo quy định.

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của công ty;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật.

t) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của Pháp luật, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách

nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 30. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh của công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng theo quyết định của Hội đồng quản trị đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành. Tổng mức thù lao và thưởng cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 31. Chủ tịch Hội đồng quản trị.

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f) Ký quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký công ty.
- g) Thay mặt Hội đồng quản trị phê duyệt dự án, ký các văn bản, quyết định, quy định, thỏa thuận, ký kết các hợp đồng, giao dịch và các giấy tờ có liên quan thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và đã được Hội đồng quản trị thông qua theo đúng quy định;
- h) Phê duyệt kế hoạch tuyển dụng lao động trên cơ sở đề nghị của Giám đốc công ty;

040-1
GT
HÂN
DÂN
NG
JIANG

i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;

e) Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.

f) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 32. Cuộc họp Hội đồng quản trị.

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;

b) Có đề nghị của Giám đốc, hoặc ít nhất 03 (ba) người điều hành khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có những tài liệu sử dụng tại cuộc họp đó và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị được gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

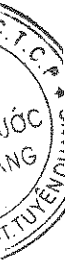
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận (Ủy quyền phải được lập bằng văn bản).

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 33. Biên bản họp Hội đồng quản trị.

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;



- e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g, và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 34. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và một số tiểu ban khác để hỗ trợ hoạt động công ty nếu thấy cần thiết. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 (ba) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 35. Người phụ trách quản trị công ty.

1. Hội đồng quản trị của công ty bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

- f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VIII GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Điều 36. Tổ chức bộ máy quản lý.

Hệ thống quản lý của công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh cán bộ quản lý khác. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua Hội đồng quản trị và được quyết định theo thẩm quyền.

Điều 37. Người điều hành công ty.

1. Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc, các Phó Giám đốc và Kế toán trưởng công ty. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Người điều hành công ty được trả lương, thưởng và các chế độ khác theo quy chế nội bộ của công ty.

3. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 38. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc công ty.

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc công ty.

2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4. Tiêu chuẩn và điều kiện Giám đốc:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước.
- c) Có kiến thức và kinh nghiệm quản lý công ty; Tốt nghiệp đại học trở lên, có kinh nghiệm làm công việc quản lý, điều hành trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh chính của công ty;
- d) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, hiểu biết Pháp luật;
- e) Không đồng thời làm Giám đốc/Tổng Giám đốc của Doanh nghiệp khác;



f) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của Pháp luật.

5. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;

e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc theo quy định của Pháp luật và quy chế của công ty;

g) Tuyển dụng lao động theo quy chế của công ty;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn:

- Vào cuối quý III (ba) hằng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn Kế hoạch sản xuất kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng quý và kế hoạch sản xuất kinh doanh cho quý tiếp theo tại phiên họp định kỳ của Hội đồng quản trị.

- Phương án huy động vốn, sử dụng vốn và tài sản của công ty để thực hiện các dự án đầu tư;

- Ban hành, sửa đổi, bổ sung các quy chế nội bộ của công ty;

- Phương án cơ cấu tổ chức, phương án thành lập, tổ chức lại, giải thể các phòng, ban và các đơn vị trực thuộc công ty;

- Các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị, công nghệ của công ty;

- Phương án sử dụng lao động; hồ sơ, quy trình thực hiện bổ nhiệm các chức danh thuộc thẩm quyền của Giám đốc.

- Phương án phân phối lợi nhuận hằng năm.

- Phương án, kế hoạch và một số nội dung khác liên quan đến điều hành sản xuất kinh doanh của công ty.

j) Đề xuất Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng công ty; tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, ký hợp đồng lao động, chấm dứt Hợp đồng lao động; khen thưởng, kỷ luật và các lợi ích khác đối với các chức danh trên;

k) Phê duyệt các dự án theo phân cấp quản lý; Thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản trị (sau khi được ủy quyền bằng văn bản) ký các hợp đồng, giao dịch và các văn bản có liên quan.

l) Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao và phải báo cáo lên cơ quan này khi được yêu cầu; chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị về thực hiện nhiệm vụ được giao trên cơ sở các quy định hiện hành của Nhà nước;

m) Thừa ủy quyền Hội đồng quản trị quản lý toàn bộ tài sản của công ty. Được quyền quyết định các biện pháp xử lý vượt thẩm quyền trong các trường hợp khẩn cấp: thiên tai, địch họa, hỏa hoạn và các sự cố khác và chịu trách nhiệm về quyết định này đồng thời báo cáo cho Hội đồng quản trị biết.

n) Trong trường hợp Giám đốc không có mặt để xử lý các công việc thì thực hiện theo Quyết định phân công nhiệm vụ trong Ban Giám đốc.

o) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Hội đồng quản trị và các quy chế của công ty.

6. Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ, quy chế nội bộ của công ty hoặc hợp đồng lao động ký với công ty và quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

7. Giám đốc phải trung thành với lợi ích của công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

8. Giám đốc bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Báo cáo không trung thực kết quả sản xuất kinh doanh của công ty từ hai lần trở lên hoặc một lần nhưng làm sai lệch nghiêm trọng tình hình kết quả sản xuất kinh doanh;

b) Để công ty thua lỗ hoặc không đạt chỉ tiêu cổ tức tối thiểu theo mức do Đại hội đồng cổ đông quyết định; Trừ trường hợp đầu tư các dự án lớn hoặc Nhà nước quyết định giá bán nước sạch thấp dẫn đến việc không đạt chỉ tiêu cổ tức.

c) Không tổ chức xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm để trình Hội đồng quản trị ban hành, làm cơ sở để quản trị, điều hành công ty;

d) Không thực hiện các nhiệm vụ quy định trong Điều lệ và các Nghị quyết, quy chế, quy định của công ty đã được Hội đồng quản trị phê chuẩn. Vi phạm pháp luật bị truy cứu trách nhiệm, tham nhũng tài sản công ty hoặc thiếu trách nhiệm, gây hậu quả nghiêm trọng cho công ty.

e) Quyết định miễn nhiệm Giám đốc được thông qua khi có đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành (*không tính biểu quyết của Giám đốc*) và Hội đồng quản trị phải đưa ra lý do miễn nhiệm. Giám đốc bị miễn nhiệm có quyền phản đối việc miễn nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất. Trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải tiến hành các thủ tục bổ nhiệm giám đốc mới. Công ty thực hiện công bố thông tin về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc theo đúng quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 39. Phó Giám đốc công ty.

1. Phó Giám đốc công ty là người giúp việc cho Giám đốc.

2. Phó Giám đốc được Giám đốc công ty phân công và ủy nhiệm hoặc ủy quyền điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty; chịu trách nhiệm trực tiếp trước Giám đốc công ty và pháp luật về các phần việc được phân công hoặc ủy nhiệm.

3. Phó Giám đốc công ty có thể kiêm nhiệm phụ trách các phòng, ban hoặc các đơn vị trực thuộc.

2604
 NGT
 PH
 HOAT
 YENQ
 QUANI

CHƯƠNG IX BAN KIỂM SOÁT

Điều 40. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát.

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định về ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị tại khoản 2 Điều 27 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 41. Thành phần Ban kiểm soát.

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của công ty là 03 (ba) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Ban kiểm soát:

2.1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, cụ thể:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật này;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;

e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty;

f) Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a, b, c, d, e Khoản này, Kiểm soát viên không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý công ty, người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2.2. Thành viên Ban kiểm soát không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 42. Trưởng Ban kiểm soát.

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 43. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

0-C.
V
N
NƯỚC
JIANG
S-T.TV

Điều 44. Trách nhiệm của Kiểm soát viên.

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và cổ đông của công ty.
3. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông. Không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực thi quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 45. Cuộc họp của Ban kiểm soát.

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 46. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quy chế nội bộ của công ty. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

CHƯƠNG X
TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC

Điều 47. Trách nhiệm của người quản lý công ty.

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty và người quản lý khác có trách nhiệm sau:

a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và cổ đông của công ty;

c) Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông của công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về nội dung khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

e) Các trách nhiệm khác theo quy định của Pháp luật.

2. Ngoài các nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này thì Hội đồng quản trị và Giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho công ty và bên thứ ba.

Điều 48. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

1.1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của công ty theo quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và các giao dịch tương ứng của họ với công ty;

1.2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;

1.3. Việc kê khai theo quy định tại điểm 1.2 khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với công ty trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

1.4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại điểm 1.1, điểm 1.2, khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

a) Công ty phải thông báo Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai (trong giờ làm việc); Công ty phải tạo điều kiện để những người này tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty;

1.5. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc công ty, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa công ty với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan được quy định như sau:

4.1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan sau đây:

a) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;

b) Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người có liên quan của họ;

c) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại Khoản 2 Điều 164 Luật doanh nghiệp.

4.2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch theo quy định tại điểm 4.1, khoản 4 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được dự thảo Hợp đồng hoặc thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

4.3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng, giao dịch sau đây:

a) Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm 4.2, Khoản 4 Điều này.

b) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

4.4. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại điểm 4.3, khoản 4 Điều này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định khoản 1 và khoản 4 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

4.5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Khoản 4 Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc người có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

4.6. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

6. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 49. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc công ty và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc công ty, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.



CHƯƠNG XI QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 50. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (*năm phần trăm*) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc công ty và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty.

CHƯƠNG XII CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 51. Công nhân viên và công đoàn.

1. Giám đốc công ty phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành công ty.

2. Giám đốc công ty phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 52. Phân phối lợi nhuận, trả cổ tức:

1. Phân phối lợi nhuận: Lợi nhuận của công ty sau khi bù đắp lỗ năm trước (nếu có), nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, phần lợi nhuận còn lại được phân phối theo thứ tự như sau:

1.1. Chia lãi cho các bên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng kinh tế đã ký kết (nếu có).

1.2. Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế theo quy định (nếu có).

1.3. Lợi nhuận còn lại sau khi trừ các khoản quy định tại điểm 1.1, điểm 1.2, Khoản 1 Điều này được phân phối theo thứ tự:

a) Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động theo hướng dẫn tại Khoản 1 Điều 18 Thông tư số 28/2017/TT-BLĐ-TBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hoặc các quy định sửa đổi, bổ sung khác của pháp luật;

b) Trích quỹ thưởng người quản lý công ty theo hướng dẫn tại Khoản 2 Điều 18 Thông tư số 28/2017/TT-BLĐ-TBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hoặc các quy định sửa đổi, bổ sung khác của pháp luật;

c) Trả cổ tức.

1.4. Hàng năm, Giám đốc công ty có trách nhiệm trình Hội đồng quản trị thông qua Phương án phân phối lợi nhuận.

2. Trả cổ tức:

2.1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm trình Đại hội đồng cổ đông để thông qua Phương án trả cổ tức của công ty theo quy định của pháp luật. Trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của công ty.

2.2. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và theo các phương thức thanh toán theo quy định của pháp luật.

2.3. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, thời hạn và hình thức trả chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất là 15 (mười lăm) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Tên công ty và địa chỉ trụ sở chính của công ty;

b) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân;

c) Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;

d) Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;

đ) Thời điểm và phương thức trả cổ tức;

00012
CÔNG
CỔ P
PHO
UYÊN
VQUAN

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty.

2.4. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ công ty.

2.5. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại các điều 123, 124 và 125 của Luật Doanh nghiệp. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

2.6. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu trong trường hợp cổ đông không thực hiện quyền của mình theo đúng thời hạn thông báo.

2.7. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.8. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

3. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 53. Tài khoản ngân hàng.

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 54. Năm tài chính.

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31/12 năm đó.

Điều 55. Chế độ kế toán.

1. Chế độ kế toán công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp căn cứ vào Luật Kế toán của Việt Nam và quy định hiện hành của Bộ Tài chính.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV
BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 56. Báo cáo tài chính năm.

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của công ty.
3. Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo tài chính quý để thông qua Hội đồng quản trị tại phiên họp định kỳ.

Điều 57. Báo cáo thường niên.

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI
KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 58. Kiểm toán.

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập chậm nhất trong vòng 30 (*Ba mươi*) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xem xét, lập báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính năm của công ty. Báo cáo kiểm toán phải hoàn thiện và trình Hội đồng quản trị chậm nhất trong vòng 02 (*hai*) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của công ty.
4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

5040.
STY
HÂN
ATNU
QUAN
G.T.T

CHƯƠNG XVII DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 59. Dấu của doanh nghiệp.

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định về loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung con dấu của công ty, Chi nhánh trực thuộc. Nội dung con dấu phải thể hiện những thông tin sau đây:
 - a. Tên doanh nghiệp;
 - b. Mã số doanh nghiệp.
 - c. Tên huyện, thành phố nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính.
3. Việc quản lý và lưu giữ dấu thực hiện theo Quy định quản lý và sử dụng con dấu của công ty. Công ty sử dụng dấu trong các giao dịch theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XVIII GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 60. Giải thể công ty.

1. Công ty có thể giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn 06 (sáu) tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;
 - d) Bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Điều 61. Gia hạn hoạt động.

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 07 (bảy) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 62. Thanh lý.

1. Tối thiểu 06 (sáu) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c) Nợ thuế;
- d) Các khoản nợ khác của Công ty;
- e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông.

CHƯƠNG XIX GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 63. Giải quyết tranh chấp nội bộ.

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc công ty hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

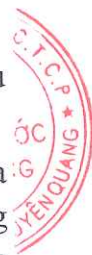
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 64. Điều lệ công ty.

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của công ty.



CHƯƠNG XXI
NGÀY HIỆU LỰC

Điều 65. Ngày hiệu lực.

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương, 65 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang nhất trí thông qua ngày 11 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở chính của công ty, số 103, đường Tôn Đức Thắng, tổ 9, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 06 (sáu) bản có giá trị như nhau, 03 (ba) bản gửi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, 03 (ba) bản được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty. Bản Điều lệ này thay thế bản Điều lệ đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thành lập ngày 27/11/2017 và bản sửa đổi bổ sung lần thứ nhất theo Quyết định số 67/QĐ-HĐQT ngày 14/5/2018 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng quản trị./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Lê Văn Hải



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TUYÊN QUANG
(Sửa đổi, bổ sung)**

**Đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên
ngày 11 tháng 6 năm 2021.**

Tuyên Quang, tháng 6/2021

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	1
CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	1
Mục 1. VAI TRÒ, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 1	
Điều 2. Vai trò của Đại hội đồng cổ đông.....	1
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.	2
Mục 2. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	3
Điều 4. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông.....	3
Điều 5. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp.	4
Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	5
Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông.....	5
Điều 8. Chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông.....	5
Điều 9. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	6
Điều 10. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông.....	6
Điều 11. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông.....	7
Điều 12. Chủ tọa, thư ký, Ban kiểm phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	7
Điều 13. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	7
Điều 14. Cách thức biểu quyết, bỏ phiếu biểu quyết.	8
Điều 15. Cách thức kiểm phiếu	9
Điều 16. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.	9
Điều 17. Thông báo kết quả kiểm phiếu.	9
Điều 18. Cách thức phản đối Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.....	10
Điều 19. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.	10
Điều 20. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.....	11
Mục 3. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG HÌNH THỨC VĂN BẢN	11
Điều 21. Các trường hợp được lấy ý kiến bằng văn bản.....	11
Điều 22. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.....	11
CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	13
Mục 1. VAI TRÒ, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	13
Điều 23. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.	13



Điều 24. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị.....	14
Mục 2. ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	15
Điều 25. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị.....	15
Điều 26. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị.....	15
Điều 27. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị.....	15
Điều 28. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị.....	16
Điều 29. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.....	17
Điều 30. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị... ..	17
Điều 31. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	17
Mục 3. THÙ LAO VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	18
Điều 32. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	18
Mục 4. TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	18
Điều 33. Số lượng cuộc họp tối thiểu của Hội đồng quản trị.....	18
Điều 34. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường.....	19
Điều 35. Thông báo họp Hội đồng quản trị.....	19
Điều 36. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát.....	19
Điều 37. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị.....	19
Điều 38. Cách thức biểu quyết.....	19
Điều 39. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị.....	20
Điều 40. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị... ..	20
Điều 41. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị.....	20
Điều 42. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị	21
Điều 43. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.....	21
Mục 5. CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (NẾU CÓ)	21
Điều 44. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	21
Điều 45. Tiêu chuẩn thành viên của tiểu ban, trưởng tiểu ban.....	21
Điều 46. Nguyên tắc hoạt động của các tiểu ban.....	22
Điều 47. Nhiệm vụ của các tiểu ban.....	22
Mục 6. LỰA CHỌN BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY	22
Điều 48. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty.....	22
Điều 49. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.....	22
Điều 50. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.....	22

Điều 51. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.....	23
Điều 52. Quyền và nghĩa vụ Người phụ trách quản trị công ty.....	23
Điều 53. Tiền lương, thù lao, thưởng và các lợi ích khác của Người phụ trách quản trị công ty	23
CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT.....	23
Mục 1. VAI TRÒ, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT, TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM SOÁT VIÊN	23
Điều 54. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát.	23
Điều 55. Trách nhiệm của Kiểm soát viên.	24
Mục 2. NHIỆM KỲ, SỐ LƯỢNG, THÀNH PHẦN, CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT	25
Điều 56. Nhiệm kỳ, số lượng thành viên Ban kiểm soát.....	25
Điều 57. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát.....	25
Điều 58. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát.	25
Điều 59. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát.....	26
Điều 60. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	26
Điều 61. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát...	27
Điều 62. Tiền lương, quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát.	27
Điều 63. Trưởng ban Kiểm soát.....	27
Điều 64. Cuộc họp của Ban kiểm soát.	27
CHƯƠNG V. GIÁM ĐỐC CÔNG TY	28
Mục 1. VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA GIÁM ĐỐC CÔNG TY.....	28
Điều 65. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc công ty.	28
Mục 2. BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM, KÝ HỢP ĐỒNG, CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG ĐỐI VỚI GIÁM ĐỐC.....	29
Điều 66. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc.....	29
Điều 67. Bổ nhiệm (hoặc thuê) Giám đốc, Phó Giám đốc và cán bộ quản lý khác....	29
Điều 68. Bổ nhiệm lại Giám đốc.....	31
Điều 69. Miễn nhiệm Giám đốc.	31
Điều 70. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với Giám đốc.....	32
Điều 71. Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc.....	32
CHƯƠNG VI. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC.....	32
Mục 1. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ GIÁM ĐỐC CÔNG TY	32
Điều 72. Trình tự, thủ tục triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc.	32



Điều 73. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát, Giám đốc công ty.....	33
Điều 74. Các trường hợp Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị.	33
Điều 75. Báo cáo của Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.....	33
Điều 76. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc.....	33
Điều 77. Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.	33
Điều 78. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Giám đốc.	34
Mục 2. QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC	37
Điều 79. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác của công ty.	37
Điều 80. Khen thưởng.	38
Điều 81. Xử lý vi phạm và kỷ luật.	38
CHƯƠNG VII. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	38
Điều 82. Quy chế nội bộ về quản trị công ty.....	38
CHƯƠNG VIII. HIỆU LỰC THI HÀNH.....	38
Điều 83. Hiệu lực thi hành.	38

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TUYÊN QUANG**

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 219/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/6/2021.

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang.

Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I

PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

1. Phạm vi điều chỉnh.

Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc công ty và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và những người liên quan.

CHƯƠNG II

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Mục 1

VAI TRÒ, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 2. Vai trò của Đại hội đồng cổ đông.

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần.



Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

1. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% (Ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh của công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty;
- đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
- n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi công ty;

- o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) công ty và chỉ định người thanh lý;
- p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% (Ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- q) Quyết định mua lại trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản của công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Mục 2

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường.

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên:

1.1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm 01 (một) lần và trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

1.2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, công ty phải mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

2. Đại hội đồng cổ đông bất thường:

Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ công ty; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong

đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b, khoản 2 Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b, khoản 3 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ công ty có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do Cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

h) Công việc khác phục vụ cuộc họp.

5. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 3 Điều này sẽ được công ty hoàn lại.

Điều 5. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp.

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ

liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Công ty thực hiện công bố thông tin về việc lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (*hai mươi*) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông.

1. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu của công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (*hai mươi một*) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).

3. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 8. Chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Quy chế này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 14 của Điều lệ công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải bao gồm họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân

đôi với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ; nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

3. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 9. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty ban hành đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật về dân sự. Văn bản ủy quyền phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức.

3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;

Điều 10. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông.

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Cổ đông đến tham dự đại hội phải mang theo Giấy tờ được quy định tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông để xác nhận dự họp. Việc đăng ký được thực hiện tại địa điểm diễn ra cuộc họp ĐHCĐ.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

3. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 11. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông.

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% (*năm mươi phần trăm*) tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 (*ba mươi ngày*) kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% (*ba mươi ba phần trăm*) tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 (*hai mươi*) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp.

Điều 12. Chủ tọa, thư ký, Ban kiểm phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a, khoản 1 điều này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

2. Thư ký cuộc họp: Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

3. Ban kiểm phiếu: Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

Điều 13. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;

b) Định hướng phát triển công ty;

c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

3121
NG
PH
JAT
QU
G.T

- e) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Tổ chức lại, giải thể công ty.

Điều 14. Cách thức biểu quyết, bỏ phiếu biểu quyết.

Cổ đông thực hiện việc biểu quyết để “Đồng ý”, “Không đồng ý” hoặc “Không có ý kiến” một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết.

1. Các thức biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết:

a) Cổ đông khi đến tham dự Đại hội đồng cổ đông sẽ được cấp một “Thẻ biểu Quyết” do công ty phát hành, có đóng dấu treo của công ty, trên Thẻ có ghi mã số cổ đông, họ và tên của cổ đông hoặc đại diện cổ đông, số cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu có quyền biểu quyết của cổ đông. Thẻ biểu quyết này dùng để biểu quyết tất cả các vấn đề cần biểu quyết trong Đại hội.

b) Biểu quyết thông qua các nội dung báo cáo, Nghị quyết của Đại hội được tiến hành công khai, trực tiếp theo sự điều hành của chủ tọa Đại hội và chỉ sử dụng các Thẻ biểu quyết do Ban tổ chức Đại hội phát hành. Khi biểu quyết thông qua các Nội dung báo cáo, Nghị quyết tại Đại hội, các Cổ đông đồng ý, không đồng ý hoặc có ý kiến khác thì lần lượt giơ “Thẻ biểu quyết” lên, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp cổ đông không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết “Đồng ý”, “Không đồng ý” hoặc “Không có ý kiến” của một vấn đề thì được xem như biểu quyết đồng ý vấn đề đó. Trường hợp cổ đông giơ cao Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết “Đồng ý”, “Không đồng ý” hoặc “Không có ý kiến” của một vấn đề thì được xem như việc biểu quyết cho vấn đề đó là không hợp lệ. Việc xác định kết quả biểu quyết được tiến hành bằng cách đếm số phiếu biểu quyết “Đồng ý”, “Không đồng ý” hoặc “Không có ý kiến”.

2. Các thức biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết:

a) Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, cổ đông chọn một trong ba phương án “Đồng ý” hoặc “Không đồng ý” hoặc “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, cổ đông tiến hành bỏ phiếu theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu.

b) Phiếu biểu quyết không hợp lệ là:

- Phiếu không phải do Ban tổ chức phát ra và không có đóng dấu của công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang;
- Phiếu biểu quyết bị gạch xoá, sửa chữa, ghi thêm nội dung biểu quyết;
- Các vấn đề biểu quyết không được lựa chọn hoặc lựa chọn nhiều hơn một phương án cho một nội dung.

c) Việc biểu quyết đối với từng nội dung cần thông qua trong phiếu biểu quyết là độc lập với nhau, tính hợp lệ của phần biểu quyết một nội dung không làm ảnh hưởng đến tính hợp lệ của phần biểu quyết các nội dung khác.

d) Trường hợp Cổ đông bị nhầm lẫn trong quá trình biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết (với điều kiện Phiếu biểu quyết chưa được bỏ vào hòm phiếu) thì được quyền trực tiếp gặp Trưởng Ban Kiểm phiếu xin đổi lại Phiếu biểu quyết nhằm đảm bảo quyền lợi cho Cổ đông.

Điều 15. Cách thức kiểm phiếu.

1. Kiểm phiếu với hình thức giơ Thẻ biểu quyết:

- a) Việc xác định kết quả kiểm phiếu được tiến hành bằng cách Ban kiểm phiếu sẽ đếm lần lượt số thẻ biểu quyết “Đồng ý”, “Không đồng ý” hoặc “Không có ý kiến”
- b) Trường hợp cổ đông tham dự họp sau khi Đại hội đã biểu quyết một số nội dung trong Chương trình họp thì cổ đông đó chỉ biểu quyết các nội dung còn lại.

2. Kiểm phiếu với hình thức bỏ Phiếu biểu quyết:

Việc kiểm phiếu được Ban Kiểm phiếu tiến hành ngay sau khi cuộc bỏ phiếu kết thúc. Ban Kiểm phiếu sẽ ghi kết quả vào biên bản kiểm phiếu bao gồm:

- a) Số phiếu biểu quyết “Đồng ý”, “Không đồng ý”, “Không có ý kiến” hoặc “Không hợp lệ”.
- b) Tỷ lệ phần trăm (%) tương ứng với số phiếu biểu quyết “Đồng ý”, “Không đồng ý”, “Không có ý kiến” hoặc “Không hợp lệ” trên tổng số phiếu thu về.

Điều 16. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành (trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4, 6 Điều này):

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- e) Tổ chức lại, giải thể công ty.

2. Các Nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, 3, 5 Điều này.

3. Trường hợp thông qua Nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành;

4. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày thông qua; việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

6. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 17. Thông báo kết quả kiểm phiếu.

1. Kết quả kiểm phiếu bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết được Chủ tọa thông báo

10
 TY
 AN
 HUC
 NG
 TUNG

ngay sau khi tiến hành biểu quyết từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

2. Với hình thức bỏ Phiếu biểu quyết, Ban kiểm phiếu kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

3. Trường hợp Cổ đông có ý kiến thắc mắc về kết quả, Chủ tọa sẽ xem xét và quyết định xử lý ngay tại Đại hội.

Điều 18. Cách thức phản đối Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

1. Trong thời hạn 90 (*chín mươi*) ngày kể từ ngày nhận được Nghị quyết hoặc Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 16 của Quy chế này;

b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

2. Trong mọi trường hợp, cổ đông vẫn phải tuân thủ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cho đến khi có phán quyết của tòa án hoặc trọng tài về việc hủy nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Trường hợp Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 (*sáu mươi*) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

3. Mọi chi phí liên quan đến thủ tục yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông sẽ do người yêu cầu trả.

Điều 19. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được áp dụng.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm kết thúc cuộc họp.

5. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 20. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được lập và thông qua tại cuộc họp.

2. Toàn văn Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (SSC) và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ thời điểm Nghị quyết được thông qua.

3. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bế mạc cuộc họp; việc gửi Nghị quyết có thể được thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của công ty.

Mục 3

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG HÌNH THỨC VĂN BẢN

Điều 21. Các trường hợp được lấy ý kiến bằng văn bản.

Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 13 của Quy chế này.

Điều 22. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

1. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 20 Điều lệ công ty.

2. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

3. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

4. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

5. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

6. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và

tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

7. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% (*năm mươi phần trăm*) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mục 1

VAI TRÒ, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 23. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.

1. Vai trò của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;

e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại điểm a, điểm b, khoản 2 Điều 12 Điều lệ công ty;

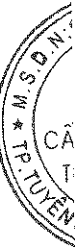
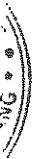
f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% (*ba mươi lăm phần trăm*) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng công ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó. Thông qua bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, điều động, luân chuyển đối với cán bộ quản lý khác.

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; Đình chỉ các quyết định của Giám đốc công ty nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ, nghị quyết hoặc các quy định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;



l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ; quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các phòng, ban, các đơn vị trực thuộc công ty; quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán và các báo cáo khác theo quy định.

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của công ty;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật.

t) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của Pháp luật, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 24. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị.

1. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, ngoài ra phải còn có các trách nhiệm sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc, người quản lý khác trong công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của đơn vị trong công ty. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Mục 2
ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị.

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 06 (*sáu*) người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (*năm*) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

Điều 26. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị.

1. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.
2. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và các quy định của công ty như sau:
 - a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên, có kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty.
 - c) Là cổ đông của công ty.
 - d) Chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.
 - e) Không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc và người quản lý khác của công ty.

Điều 27. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị.

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (*mười*) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - đ) Lợi ích có liên quan tới công ty và các bên có liên quan của công ty;
 - e) Các thông tin khác (*nếu có*);
 - g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các

lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định:

a) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử 01 (một) ứng cử viên;

b) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên;

c) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên;

d) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên;

e) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ đủ 50% trở lên tổng số cổ phần phổ thông được đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên;

Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Quy chế này.

Điều 28. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị.

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên hoặc phân bổ đồng đều. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử.

2. Phiếu bầu do Ban tổ chức in sẵn, có danh sách các ứng viên, sắp xếp theo thứ tự theo bảng chữ cái tiếng Việt có ghi giá trị hoặc số cổ phiếu của cổ đông, có đóng dấu của công ty.

3. Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu họ có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử.

4. Phiếu bầu được phát tại buổi họp Đại hội đồng cổ đông. Trên mỗi phiếu bầu có ghi tên những người ứng cử vào Hội đồng quản trị, thông tin về cổ đông và tổng số cổ phần có

quyền biểu quyết mà họ đại diện, cổ đông phải kiểm tra số cổ phần ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay tại thời điểm nhận phiếu.

5. Phiếu bầu cử không hợp lệ là phiếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:

- a) Phiếu không phải của Ban kiểm phiếu phát hành;
- b) Phiếu bầu cho nhiều người hơn số lượng đã được quy định;
- c) Phiếu có tẩy xóa, sửa chữa nội dung;
- d) Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách, đề cử và ứng cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bầu cử;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

6. Căn cứ vào số lượng thành viên quy định cho Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông sẽ dựa vào tỷ lệ phiếu bầu có số cổ phần cao nhất từ trên xuống để chọn cho đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị.

7. Khi kết quả bầu cử được công nhận sau khi biên bản bầu cử đã được chủ tọa phê chuẩn và nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 29. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế trong trường hợp sau:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 27 của Điều lệ công ty;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba.

Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 30. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

Việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 31. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó.

040-C
T.Y
ĂN
NƯỚC
JANG
TUYỆ

Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế trong các trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 2, Điều 26 Quy chế này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Mục 3

THÙ LAO VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 32. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh của công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng theo quyết định của Hội đồng quản trị đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành. Tổng mức thù lao và thưởng cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Mục 4

TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 33. Số lượng cuộc họp tối thiểu của Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

Điều 34. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường.

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b) Có đề nghị của Giám đốc, hoặc ít nhất 03 (ba) người điều hành khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị.

2. Đề nghị quy định tại khoản 1 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

4. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

Điều 35. Thông báo họp Hội đồng quản trị.

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có những tài liệu sử dụng tại cuộc họp đó và phiếu biểu quyết của thành viên.

2. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị được gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 36. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 37. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị.

1. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp.

2. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản 1 điều này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Điều 38. Cách thức biểu quyết.

1. Trừ quy định tại Khoản 2 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết.

2. Thành viên Hội đồng quản trị hoặc người đại diện (người được ủy quyền) không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người



liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của công ty. Thành viên này không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Điều 39. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị.

1. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp.

Điều 40. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị.

1. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận (Ủy quyền phải được lập bằng văn bản).

2. Nếu người đại diện thực hiện các công việc ngoài phạm vi ủy quyền thì người đó phải chịu trách nhiệm với những hành vi của mình.

Điều 41. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị.

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại Điều 42 Quy chế này.

2. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

3. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 42. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị.

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g, và h khoản 1 Điều 41 Quy chế này thì biên bản này có hiệu lực.

Điều 43. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Sau khi có Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ công ty và cho các cơ quan hữu quan (nếu được yêu cầu), hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên cổng thông tin điện tử của công ty theo trình tự và quy định của pháp luật có liên quan.

Mục 5

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (NẾU CÓ)

Điều 44. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và một số tiểu ban khác để hỗ trợ hoạt động công ty nếu thấy cần thiết. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 (ba) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Nhiệm kỳ, số lượng các tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền đề cử, ứng cử, đề nghị bãi nhiệm, miễn nhiệm đối với thành viên các tiểu ban. Việc đề cử, ứng cử, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên các tiểu ban được thông qua khi được đa số các thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết tán thành.

4. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty.

Điều 45. Tiêu chuẩn thành viên của tiểu ban, trưởng tiểu ban.

1. Thành viên của tiểu ban phải có kiến thức hoặc kinh nghiệm về lĩnh vực tiểu ban nhận phụ trách.

2. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Việc lựa chọn thành viên bên ngoài phải đảm bảo nguyên tắc số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban...thành viên bên ngoài được biểu quyết với tư cách thành viên của Tiểu ban.

4. Mỗi tiểu ban phải có một Trưởng tiểu ban do thành viên Hội đồng quản trị đảm nhiệm.

1261
NG
PH/
ÁT
QU.

1261

Điều 46. Nguyên tắc hoạt động của các tiểu ban.

1. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra.

2. Các tiểu ban không ban hành văn bản, khi có vấn đề gì cần đưa vào quy định thì các tiểu ban lập tờ trình, trình Hội đồng quản trị quyết định và ban hành nghị quyết để thi hành.

3. Các tiểu ban chủ động lên kế hoạch thực hiện công việc theo nhiệm vụ được giao hàng quý, hàng năm và phải có báo cáo gửi cho Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của tiểu ban trong quý, năm.

Điều 47. Nhiệm vụ của các tiểu ban.

1. Tham mưu cho Hội đồng quản trị hoạch định những chính sách và chiến lược liên quan đến lĩnh vực phụ trách.

2. Kiểm soát, định kỳ báo cáo đánh giá kết quả thực hiện trong từng lĩnh vực.

Mục 6**LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM
NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY****Điều 48. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty.**

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

2. Có hiểu biết về pháp luật;

3. Không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty;

4. Phải có trình độ chuyên môn về quản trị kinh doanh; tài chính - kế toán; kiểm toán hoặc luật kinh tế từ trình độ Đại học trở lên.

5. Có phẩm chất đạo đức, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành chính sách, chế độ các quy định về quản lý kinh tế, tài chính của pháp luật và của công ty.

Điều 49. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.

1. Hội đồng quản trị của công ty bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị tại doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

3. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị công ty được hưởng các quyền lợi theo thỏa thuận trong hợp đồng lao động được ký với Hội đồng quản trị.

Điều 50. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Người phụ trách quản trị công ty bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ công việc được phân công;

b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của người phụ trách quản trị công ty theo quy định tại Điều 52 của Quy chế này và Điều lệ công ty;

c) Có đơn từ chức và được chấp thuận.

Điều 51. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.

Việc thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty được thực hiện trong nội bộ công ty và theo trình tự, thủ tục quy định về công bố thông tin của pháp luật có liên quan.

Điều 52. Quyền và nghĩa vụ Người phụ trách quản trị công ty.

Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

1. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
2. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
4. Tham dự các cuộc họp;
5. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
6. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
7. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;
8. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
9. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 53. Tiền lương, thù lao, thưởng và các lợi ích khác của Người phụ trách quản trị công ty.

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Người phụ trách quản trị công ty được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Người phụ trách quản trị công ty được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Hội đồng quản trị và các quy chế nội bộ của công ty.
2. Người phụ trách quản trị công ty được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại và các chi phí khác để phục vụ công việc được giao theo quy định tại các quy chế nội bộ về quản lý tài chính của công ty.
3. Tiền lương, thù lao, thưởng và chi phí phục vụ công việc của Người phụ trách quản trị công ty được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Chương IV BAN KIỂM SOÁT

Mục 1 VAI TRÒ, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT, TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 54. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát.

1. Ban Kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các kết quả giám sát của mình đối với sự phát triển của công ty.

40-C.
 IV
 AN
 NUOC
 ANG
 TUYEN

2. Mục tiêu hoạt động của Ban Kiểm soát là bảo vệ lợi ích của cổ đông, của công ty, đảm bảo công ty phát triển bền vững và sự đoàn kết nội bộ giữa các cổ đông, cân bằng lợi ích giữa các bộ phận trong công ty.

3. Đảm bảo hoạt động bình thường của công ty, của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn trong điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty.

4. Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

a) Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

b) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

c) Giám sát tình hình tài chính của công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác.

d) Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

e) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

f) Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

g) Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

h) Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.

i) Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty.

j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 55. Trách nhiệm của Kiểm soát viên.

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và cổ đông của công ty.

3. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông. Không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực thi quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Mục 2

NHIỆM KỲ, SỐ LƯỢNG, THÀNH PHẦN, CƠ CẤU THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 56. Nhiệm kỳ, số lượng thành viên Ban kiểm soát.

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của công ty là 03 (ba) người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Điều 57. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát.

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, cụ thể:
 - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật này;
 - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
 - c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;
 - d) Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;
 - e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty;
 - f) Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a, b, c, d, e Khoản này, Kiểm soát viên không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý công ty, người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2. Thành viên Ban kiểm soát không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

Điều 58. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát.

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định về ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị tại Điều 27 Quy chế này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 59. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát.

1. Việc bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên hoặc phân bổ đồng đều.

2. Phiếu bầu do Ban tổ chức in sẵn, có danh sách các ứng viên, sắp xếp theo thứ tự theo bảng chữ cái tiếng Việt, có ghi giá trị hoặc số cổ phiếu của cổ đông, có đóng dấu Công ty.

3. Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu họ có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử.

4. Phiếu bầu được phát tại buổi họp Đại hội đồng cổ đông. Trên mỗi phiếu bầu có ghi tên những người ứng cử vào Ban kiểm soát, thông tin về cổ đông và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ đại diện, cổ đông phải kiểm tra số cổ phần ghi trên phiếu bầu nếu có sai sót phải thông báo lại ngay tại thời điểm nhận phiếu.

5. Phiếu bầu cử không hợp lệ là phiếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:

- a) Phiếu không phải của Ban kiểm phiếu phát hành;
- b) Phiếu bầu cho nhiều người hơn số lượng đã được quy định;
- c) Phiếu có tẩy xóa, sửa chữa nội dung;
- d) Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách đề cử và ứng cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bầu cử;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

6. Căn cứ vào số lượng thành viên quy định cho Ban Kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông sẽ dựa vào tỷ lệ phiếu bầu có số cổ phần cao nhất từ trên xuống để chọn cho đủ số lượng Kiểm soát viên.

7. Trong trường hợp phải lựa chọn một (01) trong hai (02) ứng cử viên đạt được tỷ lệ phiếu bầu ngang nhau thì việc lựa chọn sẽ do Chủ tọa quyết định theo một phương thức mà Đại hội đồng cổ đông cho là phù hợp.

8. Kết quả bầu cử được công nhận sau khi biên bản bầu cử đã được Chủ tọa phê chuẩn và nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 60. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.

1. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 57 Quy chế này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 61. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 62. Tiền lương, quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát.

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

4. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quy chế nội bộ của công ty. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;

5. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

Điều 63. Trưởng ban Kiểm soát.

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 64. Cuộc họp của Ban kiểm soát.

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Chương V GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Mục 1

VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Điều 65. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc công ty.

1. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ được giao.

2. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 38 Điều lệ công ty, cụ thể như sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;

e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc theo quy định của Pháp luật và quy chế của công ty;

g) Tuyển dụng lao động theo quy chế của công ty;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn:

- Vào cuối quý III (*ba*) hằng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn Kế hoạch sản xuất kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hằng quý và kế hoạch sản xuất kinh doanh cho quý tiếp theo tại phiên họp định kỳ của Hội đồng quản trị.

- Phương án huy động vốn, sử dụng vốn và tài sản của công ty để thực hiện các dự án đầu tư;

- Ban hành, sửa đổi, bổ sung các quy chế nội bộ của công ty;

- Phương án cơ cấu tổ chức, phương án thành lập, tổ chức lại, giải thể các phòng, ban và các đơn vị trực thuộc công ty;

- Các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị, công nghệ của công ty;

- Phương án sử dụng lao động; hồ sơ, quy trình thực hiện bổ nhiệm các chức danh thuộc thẩm quyền của Giám đốc.

- Phương án phân phối lợi nhuận hằng năm.

- Phương án, kế hoạch và một số nội dung khác liên quan đến điều hành sản xuất kinh doanh của công ty.

j) Đề xuất Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng công ty; tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, ký hợp đồng lao động, chấm dứt Hợp đồng lao động; khen thưởng, kỷ luật và các lợi ích khác đối với các chức danh trên;

k) Phê duyệt các dự án theo phân cấp quản lý; Thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản trị (sau khi được ủy quyền bằng văn bản) ký các hợp đồng, giao dịch và các văn bản có liên quan.

l) Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao và phải báo cáo lên cơ quan này khi được yêu cầu; chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị về thực hiện nhiệm vụ được giao trên cơ sở các quy định hiện hành của Nhà nước;

m) Thừa ủy quyền Hội đồng quản trị quản lý toàn bộ tài sản của công ty. Được quyền quyết định các biện pháp xử lý vượt thẩm quyền trong các trường hợp khẩn cấp: thiên tai, địch họa, hỏa hoạn và các sự cố khác và chịu trách nhiệm về quyết định này đồng thời báo cáo cho Hội đồng quản trị biết.

n) Trong trường hợp Giám đốc không có mặt để xử lý các công việc thì thực hiện theo Quyết định phân công nhiệm vụ trong Ban Giám đốc.

o) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Hội đồng quản trị và các quy chế của công ty.

Mục 2

BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM, KÝ HỢP ĐỒNG, CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG ĐỐI VỚI GIÁM ĐỐC

Điều 66. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc.

1. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện Giám đốc:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước.

c) Có kiến thức và kinh nghiệm quản lý công ty; Tốt nghiệp đại học trở lên, có kinh nghiệm làm công việc quản lý, điều hành trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh chính của công ty;

d) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, hiểu biết Pháp luật;

e) Không đồng thời làm Giám đốc/Tổng Giám đốc của Doanh nghiệp khác;

f) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 67. Bổ nhiệm (hoặc thuê) Giám đốc, Phó Giám đốc và cán bộ quản lý khác.

1. Bổ nhiệm (hoặc thuê) Giám đốc:

1.1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc công ty.

1.2. Quy trình:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị giới thiệu, đề cử nhân sự để lựa chọn bổ nhiệm (hoặc thuê) Giám đốc, trình cấp có thẩm quyền để xin ý kiến về chủ trương.

b) Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ đạo các đơn vị liên quan thực hiện quy trình theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành và các quy chế của tỉnh.

c) Sau khi có ý kiến của cấp có thẩm quyền, Hội đồng quản trị tổ chức họp để thông qua việc bổ nhiệm (hoặc thuê) Giám đốc.

d) Chủ tịch Hội đồng quản trị ký Quyết định bổ nhiệm (hoặc ký kết Hợp đồng thuê Giám đốc).

1.3. Hồ sơ đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm (hoặc thuê) Giám đốc (04 bộ) bao gồm:

- a) Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự kê khai nêu rõ nhân thân, học vấn, kinh nghiệm;
- b) Bản tự nhận xét đánh giá quá trình công tác;
- c) Bản kê khai tài sản theo quy định hiện hành;
- d) Bản nhận xét của cấp ủy, tập thể lãnh đạo nơi công tác.
- e) Các bản sao văn bằng chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng (*có công chứng*);
- f) Các kết luận kiểm tra, thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo và các giấy tờ liên quan khác (*nếu có*);

2. Bổ nhiệm (hoặc thuê) Phó Giám đốc:

2.1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc thuê người làm Phó Giám đốc công ty.

2.2. Quy trình:

a) Giám đốc lập Tờ trình đề xuất với Hội đồng quản trị thông qua nhân sự lựa chọn bổ nhiệm (hoặc thuê) Phó Giám đốc.

b) Chủ tịch Hội đồng quản trị trình cấp có thẩm quyền để xin ý kiến về chủ trương bổ nhiệm (hoặc thuê) Phó Giám đốc.

c) Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ đạo các đơn vị liên quan thực hiện quy trình theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành và các quy chế của tỉnh.

d) Sau khi có ý kiến của cấp có thẩm quyền, Hội đồng quản trị tổ chức họp để thông qua việc bổ nhiệm (hoặc thuê) Phó Giám đốc.

e) Chủ tịch Hội đồng quản trị ký Quyết định bổ nhiệm (hoặc ký kết Hợp đồng thuê Phó Giám đốc).

2.3. Hồ sơ đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm (hoặc thuê) Phó Giám đốc tương tự Giám đốc.

3. Bổ nhiệm (hoặc thuê) Kế toán trưởng:

3.1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc thuê một người làm Kế toán trưởng công ty.

3.2. Quy trình:

a) Giám đốc lập Tờ trình đề xuất với Hội đồng quản trị thông qua nhân sự lựa chọn bổ nhiệm (hoặc thuê) Kế toán trưởng.

b) Hội đồng quản trị tổ chức họp để thông qua việc bổ nhiệm (hoặc thuê) Kế toán trưởng.

c) Chủ tịch Hội đồng quản trị ký Quyết định bổ nhiệm (hoặc ký kết Hợp đồng thuê Kế toán trưởng).

3.3. Hồ sơ đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm (hoặc thuê) Kế toán trưởng:

- a) Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự kê khai nêu rõ nhân thân, học vấn, kinh nghiệm;
- b) Các bản sao văn bằng chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng (*có công chứng*);
- c) Các kết luận kiểm tra, thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo và các giấy tờ liên quan khác (*nếu có*);

4. Bổ nhiệm các chức danh quản lý khác (Trưởng, phó các phòng, ban; Giám đốc, Phó Giám đốc Chi nhánh):

4.1. Giám đốc quyết định bổ nhiệm các chức danh quản lý khác trong công ty.

4.2. Quy trình:

a) Giám đốc lập Tờ trình đề xuất với Hội đồng quản trị thông qua nhân sự lựa chọn bổ nhiệm các chức danh quản lý khác.

b) Hội đồng quản trị tổ chức họp để thông qua việc bổ nhiệm các chức danh quản lý đó.

c) Giám đốc ký Quyết định bổ nhiệm.

4.3. Hồ sơ đề nghị bổ nhiệm các chức danh quản lý khác:

a) Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự kê khai nêu rõ nhân thân, học vấn, kinh nghiệm;

b) Các bản sao văn bằng chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng (*có công chứng*);

Điều 68. Bổ nhiệm lại Giám đốc.

1. Khi Giám đốc kết thúc thời hạn giữ chức vụ thì Hội đồng quản trị phải xem xét bổ nhiệm lại hoặc không bổ nhiệm lại. Hội đồng quản trị quyết định trước khi giám đốc kết thúc nhiệm kỳ ít nhất ba (03) tháng.

2. Ngoài việc tiếp tục đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 66 Quy chế này, điều kiện để bổ nhiệm lại Giám đốc như sau:

a) Hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao trong thời gian giữ chức vụ;

b) Không vi phạm pháp luật, chế độ, chính sách Nhà nước và các quy định của công ty;

c) Có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ;

d) Được cán bộ, công nhân lao động trong đơn vị tín nhiệm.

3. Quy trình và Hồ sơ bổ nhiệm lại như bổ nhiệm lần đầu.

Điều 69. Miễn nhiệm Giám đốc.

1. Giám đốc bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Báo cáo không trung thực kết quả sản xuất kinh doanh của công ty từ hai lần trở lên hoặc một lần nhưng làm sai lệch nghiêm trọng tình hình kết quả sản xuất kinh doanh;

b) Để công ty thua lỗ hoặc không đạt chỉ tiêu cổ tức tối thiểu theo mức do Đại hội đồng cổ đông quyết định; Trừ trường hợp đầu tư các dự án lớn hoặc Nhà nước quyết định giá bán nước sạch thấp dẫn đến việc không đạt chỉ tiêu cổ tức.

c) Không tổ chức xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm để trình Hội đồng quản trị ban hành, làm cơ sở để quản trị, điều hành công ty;

d) Không thực hiện các nhiệm vụ quy định trong Điều lệ và các Nghị quyết, quy chế, quy định của công ty đã được Hội đồng quản trị phê chuẩn. Vi phạm pháp luật bị truy cứu trách nhiệm, tham nhũng tài sản công ty hoặc thiếu trách nhiệm, gây hậu quả nghiêm trọng cho công ty.

e) Quyết định miễn nhiệm Giám đốc được thông qua khi có đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành (*không tính biểu quyết của Giám đốc*) và Hội đồng quản trị phải đưa ra lý do miễn nhiệm. Giám đốc bị miễn nhiệm có quyền phản đối việc miễn nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất. Trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm giám đốc mới. Công ty thực hiện công bố thông tin về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc theo đúng quy định của pháp luật về chứng khoán.

500
CỔ
CỔ
ÁP
TUYỂN
QUA

2. Trường hợp Giám đốc xin từ chức thì phải làm đơn gửi cho Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải xem xét và ra quyết định trong thời hạn 01 (một) tháng, kể từ khi tiếp nhận đơn từ chức. Trong thời gian chưa có ý kiến chuẩn y của Chủ tịch Hội đồng quản trị thì người đó vẫn phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình ở vị trí đã được bổ nhiệm.

Điều 70. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với Giám đốc.

Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với Giám đốc phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 71. Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc.

Hội đồng quản trị quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Giám đốc công ty theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ và các quy chế nội bộ của công ty.

**Chương VI
CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC**

Mục 1

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Điều 72. Trình tự, thủ tục triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc.

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập cuộc họp phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có những tài liệu sử dụng tại cuộc họp đó và phiếu biểu quyết của thành viên.

2. Thông báo mời họp được gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên dự họp.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc cùng thời điểm và phương thức như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (nếu được yêu cầu) có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận, góp ý kiến nhưng không được biểu quyết.

5. Nếu xét thấy cần thiết, thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham dự các cuộc họp do Trưởng Ban kiểm soát hoặc Giám đốc chủ trì. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền thảo luận, góp ý kiến nhưng không có quyền kết luận cuộc họp.

6. Điều kiện tổ chức các cuộc họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên được triệu tập có mặt dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 03 (ba) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên được triệu tập dự họp.

7. Cuộc họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc được lập biên bản cuộc họp giống với cuộc họp Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 41 Quy chế này.

8. Kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc được thông báo bằng văn bản đến các thành viên dự họp và các đơn vị trong công ty trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ khi kết thúc cuộc họp.

Điều 73. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát, Giám đốc công ty.

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được gửi đến cho Ban kiểm soát, Giám đốc công ty cùng thời điểm và phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 74. Các trường hợp Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị.

Ban kiểm soát, Giám đốc công ty có quyền đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 34, Quy chế này với những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty và những vấn đề không thuộc thẩm quyền quyết định của Ban kiểm soát và Giám đốc công ty.

Điều 75. Báo cáo của Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

1. Giám đốc có trách nhiệm tổ chức thực hiện xây dựng Báo cáo về kết quả điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty hằng quý, 06 tháng, năm. Báo cáo phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước thời điểm diễn ra cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ.

2. Giám đốc có trách nhiệm Báo cáo đột xuất các vấn đề có liên quan trong hoạt động sản xuất kinh doanh khi có yêu cầu của Hội đồng quản trị.

Điều 76. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc.

1. Giám đốc là người triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Trong khi thực hiện nếu phát hiện các vấn đề không có lợi cho công ty, thì Giám đốc phải báo ngay với Hội đồng quản trị để xem xét và điều chỉnh Nghị quyết, Quyết định (*nếu cần*). Trường hợp Hội đồng quản trị không điều chỉnh lại Nghị quyết, Quyết định thì Giám đốc vẫn phải thực hiện, nhưng có quyền bảo lưu ý kiến.

2. Tại cuộc họp định kỳ hằng quý, Hội đồng quản trị tiến hành kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền của mình đối với Giám đốc và các Phó Giám đốc. Căn cứ kết quả thực hiện, Hội đồng quản trị sẽ quyết định các vấn đề chủ yếu, nhằm hỗ trợ công tác điều hành của Ban Giám đốc, hướng tới đạt và vượt các chỉ tiêu mà nghị quyết đã đề ra.

3. Đối với vấn đề được ủy quyền khác của Chủ tịch HĐQT, Giám đốc phải kiểm điểm cụ thể đối với từng vấn đề và nội dung đã thực hiện, nội dung chưa thực hiện, nội dung thực hiện vượt thẩm quyền (*nếu có*), giải trình các lý do về việc thực hiện vượt thẩm quyền đó.

Điều 77. Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

1. Giám đốc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất theo quy định của Hội đồng quản trị.

2. Sau khi quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình đã được quy định trong Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ, Giám đốc có trách nhiệm báo cáo với Chủ tịch Hội đồng quản trị.

3. Giám đốc có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố bất ngờ...) nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó. Đồng thời phải báo cáo ngay với Chủ tịch Hội đồng quản trị trong thời gian sớm nhất.

012

ĐNK

ĐPI

IOÁ

NQ

NG

4. Giám đốc có trách nhiệm báo cáo về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh cả năm của công ty chậm nhất vào 15/3 hằng năm, trình Hội đồng quản trị để được thông qua và làm cơ sở cho việc xây dựng hệ thống báo cáo trình tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Báo cáo quy định tại mục này phải được lập trên cơ sở báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

5. Chậm nhất vào cuối quý III (ba) hằng năm, Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn Kế hoạch sản xuất kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm.

6. Các báo cáo và cung cấp thông tin được gửi tới Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thông qua Thư ký công ty để tổng hợp; tài liệu được gửi trực tiếp bằng văn bản hoặc Email.

Điều 78. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Giám đốc.

1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Giám đốc:

a) Hội đồng quản trị và các thành viên không can thiệp trực tiếp vào hoạt động sản xuất kinh doanh hằng ngày và công tác thuộc thẩm quyền của Ban điều hành trừ khi xét thấy cần thiết.

b) Hội đồng quản trị tạo điều kiện cho Giám đốc về cơ chế chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị và thiết lập hành lang pháp lý nội bộ, giúp Ban điều hành hoàn thành nhiệm vụ được giao.

c) Hội đồng quản trị có thể tham dự các cuộc họp giao ban định kỳ hoặc các cuộc họp khác của Ban điều hành công ty.

d) Khi cần thiết, Hội đồng quản trị sử dụng các phòng ban chức năng hoặc các chuyên viên của công ty giúp cho công tác của Hội đồng quản trị.

e) Hội đồng quản trị phân công Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ đạo, giám sát thường xuyên công tác điều hành của Giám đốc. Giám đốc thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 75, điều 77 Quy chế này.

f) Trong trường hợp cấp thiết nhưng phải được sự đồng ý của Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, thành viên Ban điều hành khác trong công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của đơn vị trong công ty. Thời hạn cung cấp thông tin theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

g) Đối với nội dung, vấn đề Hội đồng quản trị phải trình Đại hội cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, các phòng ban chuyên môn công ty chuẩn bị các nội dung cần thiết để Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét quyết định. Các nội dung nêu trên phải được gửi cho Hội đồng quản trị chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông.

h) Đối với nội dung, vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, Giám đốc có trách nhiệm lập tờ trình gửi Chủ tịch Hội đồng quản trị về các nội dung trình. Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét, quyết định. Kèm theo tờ trình là các văn bản, tài liệu có liên quan đến nội dung cần trình; phải gửi cho Hội đồng quản trị chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp Hội đồng quản trị. Trong quá trình xem xét quyết

định các nội dung mà Giám đốc trình, Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc bổ sung các tài liệu có liên quan và làm rõ các nội dung mà Giám đốc trình trước khi Hội đồng quản trị ra quyết định.

Tất cả các tài liệu do Giám đốc trình và gửi Hội đồng quản trị phải là văn bản chính thức có ký tên, đóng dấu, nêu rõ ý kiến tham mưu, đề xuất để Hội đồng quản trị có cơ sở xem xét, giải quyết.

i) Đối với các nội dung, vấn đề thuộc thẩm quyền của Giám đốc: Giám đốc được trực tiếp quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình đã được quy định trong Điều lệ, Quy chế, Quy định nội bộ của công ty. Sau khi quyết định, Giám đốc có trách nhiệm thông báo cho Chủ tịch Hội đồng quản trị trong vòng 24 giờ. Khi xét thấy cần thiết, các nội dung khác cần xin ý kiến của Hội đồng quản trị, Giám đốc phải có văn bản đề nghị và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi bằng văn bản trong vòng 03 (ba) ngày làm việc hoặc một thời hạn khác do hai bên thỏa thuận.

j) Khi Giám đốc ra quyết định hay ký bất kỳ văn bản nào trái quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, các quy định nội bộ khác của công ty và làm ảnh hưởng đến quyền lợi của công ty thì Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc hủy bỏ văn bản đó. Nếu Giám đốc không thi hành thì Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền ra văn bản đình chỉ thi hành quyết định này của Giám đốc và thông báo tới tất cả thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành.

k) Khi Giám đốc có hành vi vi phạm pháp luật và gây thiệt hại cho công ty thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải tiến hành các thủ tục pháp lý cần thiết để xử lý hành vi vi phạm và yêu cầu bồi thường thiệt hại.

l) Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc phải trao đổi công việc với nhau thường xuyên ít nhất 01 lần/tuần.

2. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

2.1. Hội đồng quản trị:

a) Thông báo mời họp, các tài liệu kèm theo và Nghị quyết của Hội đồng quản trị được gửi đến Ban kiểm soát cùng thời gian và phương thức như gửi tới các thành viên Hội đồng quản trị.

b) Các nội dung khác cần xin ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát phải có văn bản đề nghị và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi bằng văn bản trong vòng 03 (ba) ngày làm việc hoặc một thời hạn khác do hai bên thỏa thuận.

c) Hội đồng quản trị phải tạo điều kiện để Ban Kiểm soát của công ty phát huy công tác kiểm tra, kiểm soát thường xuyên và đột xuất. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp các đợt kiểm tra của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị phải nghiên cứu để có kế hoạch củng cố, chấn chỉnh và cần có biện pháp xử lý đối với các đơn vị và cá nhân liên quan nhằm khắc phục các vi phạm sau kiểm tra.

d) Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao, thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

2.2 Ban kiểm soát:

a) Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị về các nội dung trong quá trình kiểm tra, giám sát trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

b) Đối với việc tiếp cận thông tin và tài liệu của công ty, Ban Kiểm soát có nghĩa vụ nêu rõ lý do trong văn bản đề nghị cung cấp và phải bảo mật tuyệt đối các thông tin trong quá trình giám sát hoạt động của công ty.

c) Trong các cuộc họp của Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát có quyền đề nghị thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, thành viên của đơn vị kiểm toán độc lập (nếu có) tham dự và trả lời các vấn đề mà Ban kiểm soát quan tâm.

d) Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban Kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản. Trong trường hợp cần có biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời, nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, Ban Kiểm soát phải bàn bạc, thống nhất với Hội đồng Quản trị trước khi báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông.

e) Trưởng Ban Kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất kết quả kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban Kiểm soát.

f) Đối với các nội dung khác cần có ý kiến của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị phải có văn bản đề nghị và Ban kiểm soát có trách nhiệm phản hồi bằng văn bản trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc hoặc một thời hạn khác do hai bên thỏa thuận.

g) Ban Kiểm soát có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty. Tại các phiên họp này Hội đồng quản trị, Ban Điều hành phải tiếp thu và ghi nhận các ý kiến đóng góp, đề xuất và kiến nghị của Ban Kiểm soát.

h) Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty giúp Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp gần nhất.

i) Ban Kiểm soát có trách nhiệm báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính trung thực, chính xác, hợp lý, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính và các báo cáo khác của công ty, tính đúng thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

j) Ban Kiểm soát phải lưu giữ các tuyên bố công khai lợi ích của người quản lý công ty để giám sát các giao dịch kinh tế dân sự của những người quản lý đó với những nơi họ có liên quan và những nơi họ có lợi ích để phát hiện và giám sát những giao dịch này, ngăn chặn những thiệt hại có thể xảy ra đối với công ty và cổ đông của công ty.

k) Ban Kiểm soát phải tiếp nhận các khiếu nại của cổ đông liên quan đến quản lý điều hành công ty, tổ chức thẩm tra, xác minh các khiếu nại, báo cáo Hội đồng quản trị và thực hiện việc trả lời các khiếu nại của cổ đông.

l) Ban Kiểm soát được nhân danh công ty để tiếp các đoàn kiểm tra, thanh tra của các cơ quan nhà nước, trực tiếp làm việc và cung cấp tài liệu khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu, đồng thời có quyền từ chối làm việc với các đoàn thanh tra, kiểm tra nếu cho rằng việc kiểm tra, thanh tra của họ là không phù hợp với quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp.

m) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

3. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Giám đốc:

3.1. Giám đốc:

a) Chỉ đạo các phòng, ban chức năng, đơn vị trực thuộc công ty cung cấp đầy đủ tài liệu, thông tin theo yêu cầu của Ban kiểm soát khi cần thiết.

b) Định kỳ, Giám đốc lập và gửi báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, các kiến nghị, đề xuất trong thực hiện nhiệm vụ cho Hội đồng quản trị, đồng thời gửi cho Ban kiểm soát để làm cơ sở kiểm tra, giám sát;

c) Giám đốc bố trí các phương tiện, trang thiết bị cần thiết phục vụ cho hoạt động của Ban kiểm soát, cử cán bộ có năng lực phù hợp để tham gia cuộc kiểm tra khi cần thiết theo đề nghị của Ban kiểm soát.

d) Khi có yêu cầu bằng văn bản của Ban kiểm soát đề nghị Giám đốc thực hiện một số nội dung, Giám đốc có trách nhiệm phản hồi đề nghị đó bằng văn bản trong vòng 03 (ba) ngày làm việc hoặc một thời hạn khác do hai bên thỏa thuận.

3.2. Ban kiểm soát:

a) Ban kiểm soát có chức năng kiểm tra và giám sát Giám đốc, người điều hành khác trong mọi điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

b) Thành viên BKS có quyền yêu cầu Giám đốc và người điều hành khác tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty.

c) Đối với hoạt động của Ban điều hành, Ban kiểm soát có quyền đề nghị Hội đồng quản trị xem xét lại các quyết định của Giám đốc khi xét thấy cần thiết. Trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật, Điều lệ công ty và có thể gây thiệt hại lớn về vật chất, uy tín của công ty và cổ đông, Ban kiểm soát có quyền đề nghị Giám đốc dừng ngay việc thực hiện các quyết định đó. Trong vòng 01 (một) giờ kể từ khi yêu cầu, Ban kiểm soát phải thông báo ngay với các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ ra thông báo về việc ngừng thực hiện quyết định của Giám đốc.

d) Khi có văn bản của Giám đốc đề nghị lấy ý kiến của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có trách nhiệm phản hồi bằng văn bản trong vòng 03 (ba) ngày làm việc hoặc một thời hạn khác do hai bên thỏa thuận.

Mục 2

QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC

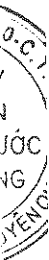
Điều 79. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác của công ty.

1. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Hội đồng quản trị và Ban Điều hành.

2. Trưởng Ban Kiểm soát tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Ban kiểm soát.

3. Giám đốc chủ trì công tác đánh giá cán bộ quản lý khác trong công ty trên cơ sở căn cứ vào các Quy chế nội bộ của công ty và kết quả hoạt động hàng năm của từng bộ phận/đơn vị trong toàn công ty để phân loại đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ như sau:

- a) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;
- b) Hoàn thành tốt nhiệm vụ;
- c) Hoàn thành nhiệm vụ;
- d) Không hoàn thành nhiệm vụ.



Điều 80. Khen thưởng.

1. Hằng năm căn cứ vào kết quả đánh giá của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành; Giám đốc trình Hội đồng quản trị (đối với bộ máy Điều hành) đề xuất mức khen thưởng đối với các cá nhân theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 79, Quy chế này.

2. Chế độ khen thưởng: Bằng tiền.

3. Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng của công ty.

4. Mức khen thưởng căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm để xây dựng mức khen thưởng cụ thể.

Điều 81. Xử lý vi phạm và kỷ luật.

1. Hằng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định mức độ và hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật và của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, thành viên Ban Điều hành và cán bộ quản lý không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, thành viên Ban Điều hành và cán bộ quản lý khi thực hiện, nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật và quy định của công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của công ty, cổ đông hoặc người khác thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VI**BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY****Điều 82. Quy chế nội bộ về quản trị công ty.**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

Chương VII**HIỆU LỰC THI HÀNH****Điều 83. Hiệu lực thi hành.**

1. Bản Quy chế này gồm 07 Chương, 83 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang nhất trí thông qua ngày 11 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở chính của công ty, số 103, đường Tôn Đức Thắng, tổ 09, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.

2. Quy chế nội bộ về quản trị công ty được lập thành 06 (sáu) bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

3. Quy chế này là duy nhất và chính thức của công ty và thay thế bản Quy chế nội bộ về quản trị công ty đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông ngày 27/04/2018.

4. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế nội bộ về quản trị công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng quản trị./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Văn Hải





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TUYÊN QUANG
(Đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên
ngày 11 tháng 6 năm 2021)

Tuyên Quang, tháng 6/2021



MỤC LỤC

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	1
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị.....	1
Chương II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.....	2
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.	2
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị.....	3
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị.	3
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	3
Điều 8.. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.....	4
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	5
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị..	6
Chương III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	6
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.	6
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch.....	8
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.....	8
Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.....	9
Chương IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	10
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	10
Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị.	11
Chương V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH	12
Điều 17. Trình báo cáo hằng năm.....	12
Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	12
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan.....	13
Chương VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	14
Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị.....	14
Điều 21. Mối quan hệ với Ban điều hành.	14
Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát.	14
Điều 23. Mối quan hệ với Công đoàn.....	14
Điều 24. Mối quan hệ với cổ đông.....	14
Điều 25. Người phát ngôn.....	15
Chương VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	15
Điều 26. Hiệu lực thi hành.....	15

Tuyên Quang, ngày 11 tháng 6 năm 2021

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TUYỀN QUANG**

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 219/NQ-DHĐCD ngày 11/6/2021.

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang;

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang bao gồm các nội dung sau:

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

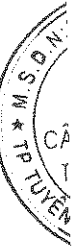
1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc công ty tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.



Chương II THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa công ty, công ty khác do công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc, người quản lý khác trong công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của đơn vị trong công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

3. Quy định về việc cung cấp thông tin:

3.1. Đối với thành viên Hội đồng quản trị:

a) Sau khi thông qua và được sự đồng ý của Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị phải lập văn bản đề yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc, người quản lý khác trong công ty cung cấp thông tin.

b) Văn bản yêu cầu cung cấp thông tin phải có đầy đủ các nội dung sau:

- Mục đích, căn cứ yêu cầu cung cấp thông tin;
- Những thông tin cần được cung cấp;
- Thời hạn cung cấp thông tin;
- Hướng dẫn việc cung cấp thông tin bằng văn bản, thông điệp dữ liệu;
- Yêu cầu khác (nếu có).

c) Thành viên Hội đồng quản trị không được sử dụng, công bố các thông tin này để phục vụ lợi ích và mục đích cá nhân theo quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

3.2. Đối với người được yêu cầu cung cấp thông tin:

a) Có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời và chính xác các thông tin được yêu cầu cung cấp trong phạm vi nhiệm vụ được giao, trừ các thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh, tài liệu mật và các thông tin khác mà nếu cung cấp sẽ gây nguy hại, ảnh hưởng xấu đến lợi ích hợp pháp của công ty.

b) Các thông tin cung cấp phải được thông qua Chủ tịch Hội đồng quản trị.

c) Người cung cấp thông tin có quyền từ chối cung cấp thông tin khi người yêu cầu không thực hiện đúng quy định tại điểm 3.1, Khoản 3 Điều này.

d) Chịu trách nhiệm trước pháp luật, Hội đồng quản trị về tính trung thực, chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị.

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 06 (sáu) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và các quy định của công ty như sau:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên, có kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty.

c) Là cổ đông của công ty

d) Chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.

e) Không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc và người quản lý khác của công ty.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị.

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

f) Ký quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký công ty.

g) Thay mặt Hội đồng quản trị phê duyệt dự án, ký các văn bản, quyết định, quy định, thỏa thuận, ký kết các hợp đồng, giao dịch và các giấy tờ có liên quan thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và đã được Hội đồng quản trị thông qua theo đúng quy định;

h) Phê duyệt kế hoạch tuyển dụng lao động trên cơ sở đề nghị của Giám đốc công ty;

i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;

e) Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.

f) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận.

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

d) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba.

Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty.

26040-1
IGTY
HÂN
ÁT NƯỚC
QUANG
G.T. TUYẾN

Trong trường hợp phải lựa chọn một (01) trong hai (02) ứng cử viên đạt được tỷ lệ phiếu bầu ngang nhau thì ứng cử viên nào đang có cổ phần nắm giữ nhiều hơn sẽ được chọn. Nếu số cổ phần nắm giữ bằng nhau thì việc lựa chọn sẽ do Chủ tọa quyết định theo một phương thức mà Đại hội đồng cổ đông cho là phù hợp.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới công ty và các bên có liên quan của công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có);
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;

e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại điểm a, điểm b, khoản 2 Điều 12 Điều lệ công ty;

f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng công ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó. Thông qua bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, điều động, luân chuyển đối với cán bộ quản lý khác.

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; Đình chỉ các quyết định của Giám đốc công ty nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ, nghị quyết hoặc các quy định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ; quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các phòng, ban, các đơn vị trực thuộc công ty; quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán và các báo cáo khác theo quy định.

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của công ty;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật.

t) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong

trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của Pháp luật, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch.

1. Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% (*ba mươi lăm phần trăm*) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% (*ba mươi lăm phần trăm*) hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% (*ba mươi lăm phần trăm*) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty với một trong các đối tượng sau:

a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc công ty, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

b) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;

c) Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

3. Người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ công ty; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b, khoản 1 Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ công ty có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do Cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

e) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

f) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

h) Công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và một số tiểu ban khác để hỗ trợ hoạt động công ty nếu thấy cần thiết. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 (ba) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy

định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV **CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị.

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (*bảy*) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;

b) Có đề nghị của Giám đốc, hoặc ít nhất 03 (*ba*) người điều hành khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 (*hai*) thành viên Hội đồng quản trị.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (*bảy*) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (*ba*) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có những tài liệu sử dụng tại cuộc họp đó và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị được gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (*ba phần tư*) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (*bảy*) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận (Ủy quyền phải được lập bằng văn bản).

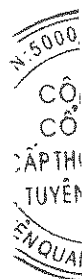
12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị.

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung



theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g, và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm.

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 (*ba mươi*) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, khoản 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty chậm nhất là 10 (*mười*) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh của công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng theo quyết định của Hội đồng quản trị đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành. Tổng mức thù lao và thưởng cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần,

lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của công ty theo quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và các giao dịch tương ứng của họ với công ty;

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với công ty, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;

3. Việc kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với công ty trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Công ty phải thông báo Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai (trong giờ làm việc); Công ty phải tạo điều kiện để những người này tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty;

126040
 NGTY
 PHẦN
 ĐẤT NƯỚC
 QUANG
 NG-TUY

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị.

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với Ban điều hành.

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết, quyết định để Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết, quyết định.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát.

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Điều 23. Mối quan hệ với Công đoàn.

Hội đồng quản trị ủy quyền cho Giám đốc công ty ký thỏa ước lao động tập thể với Ban Chấp hành công đoàn cơ sở công ty và tạo điều kiện để Ban Chấp hành công đoàn cơ sở tham gia giám sát việc sử dụng quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng được trích lập từ lợi nhuận hàng năm của công ty.

Điều 24. Mối quan hệ với cổ đông.

1. Hội đồng quản trị đảm bảo thực hiện quan hệ thường xuyên với các cổ đông của công ty, thể hiện bằng việc công bố các tài liệu, báo cáo tài chính định kỳ theo quy định của Điều lệ công ty, cung cấp những thông tin quan trọng về hoạt động của công ty.

2. Hội đồng quản trị đảm bảo tính minh bạch trong quản lý điều hành về mọi mặt hoạt động của công ty, cũng như thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với các cổ đông theo quy định của Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị có trách nhiệm chỉ đạo xử lý kịp thời và công khai các kiến nghị, khiếu nại (nếu có) của cổ đông.

Điều 25. Người phát ngôn.

1. Chủ tịch HĐQT và Giám đốc là người chịu trách nhiệm thay mặt công ty phát ngôn chính thức với cơ quan truyền thông, báo chí về các vấn đề liên quan của công ty, hoặc có thể ủy quyền cho người quản lý khác của công ty thực hiện phát ngôn.

2. Các thành viên HĐQT không được tự ý thay mặt công ty phát ngôn với cơ quan truyền thông báo chí, với cổ đông về các vấn đề liên quan đến công ty.

3. Chủ tịch và các thành viên HĐQT có trách nhiệm bảo quản, lưu trữ các tài liệu liên quan đến công ty và không được cho các tổ chức, cá nhân khác mượn sao chụp, ghi chép các thông tin liên quan đến công ty, làm ảnh hưởng đến lợi ích của công ty.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Hiệu lực thi hành.

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang bao gồm 07 chương, 26 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 6 năm 2021./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**


Lê Văn Hải





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TUYÊN QUANG**
(Đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên
ngày 11 tháng 6 năm 2021)

Tuyên Quang, tháng 6/2021



MỤC LỤC

Chương I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	1
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát.	1
Chương II. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT	2
Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.	2
Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát.....	2
Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát.	2
Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát.	3
Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát.....	3
Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.	4
Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.	4
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.	4
Chương III. BAN KIỂM SOÁT	5
Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát.	5
Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.	7
Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.	7
Chương IV. CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT	8
Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát	8
Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát.....	8
Chương V. BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH	8
Điều 16. Trình báo cáo hàng năm.	8
Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác.....	8
Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan.	9
Chương VI. MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT	9
Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát.....	9
Điều 20. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị, ĐHĐCĐ và cổ đông.	9
Chương VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	10
Điều 21. Hiệu lực thi hành.	10

QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TUYỀN QUANG

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyền Quang;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 219/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/6/2021.

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyền Quang.

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyền Quang bao gồm các nội dung sau:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

1. Quy chế này điều chỉnh hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyền Quang (dưới đây gọi là Ban kiểm soát), bao gồm các quy định về tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, nhiệm vụ, quyền và nghĩa vụ, chế độ làm việc và trách nhiệm của Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, nhằm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ công ty, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Đại hội đồng cổ đông và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.

3. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp tại điều 170 và Điều lệ công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát.

1. Ban kiểm soát có 03 (ba) thành viên trong đó có 01 Trưởng ban và 02 thành viên kiêm nhiệm, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát.

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;

đ) Không được làm việc trong phòng Tài chính - Kế toán của công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó;

g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty quy định.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát.

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát: Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát; Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát; Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát.

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt



động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không thực hiện nghĩa vụ, nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- đ) Lợi ích có liên quan tới công ty và các bên có liên quan của công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty trong việc quản lý và điều hành công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm

tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty vi phạm quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành.

2. Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được công ty hoàn lại.



Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát.

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát.

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm.

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát, Báo cáo về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao và các lợi ích khác thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp và kết luận kiến nghị của Ban kiểm soát, kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty.
5. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các cổ đông.
6. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông lựa chọn danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác.

1. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập để thực hiện nhiệm vụ được giao với mức hợp lý.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan.

1. Thành viên Ban kiểm soát của công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Việc kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải được thông báo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của công ty. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết.

4. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát.

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị, HĐQT và cổ đông.

1. Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị, thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị. Theo dõi việc chỉ đạo của HĐQT trong việc chấn chỉnh và xử lý sai phạm theo kiến nghị của Ban kiểm soát sau mỗi lần kiểm tra, phúc tra. Đề xuất, kiến nghị cho HĐQT công ty về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập hoặc đề xuất về việc thuê chuyên gia.

2. Đối với Cổ đông: Ban kiểm soát và các thành viên của Ban kiểm soát phải luôn coi trọng lợi ích của Cổ đông, chịu trách nhiệm trước Cổ đông về việc thẩm định tính chính xác, trung thực của các số liệu, hồ sơ liên quan đến hoạt động của công ty.

3. Tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình các báo cáo, kết quả và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

Chương VII **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 21. Hiệu lực thi hành.

1. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang bao gồm VII chương, 21 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2021.

2. Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm thực hiện; thành viên HĐQT, Giám đốc công ty có trách nhiệm hỗ trợ, giúp đỡ Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ.

3. Trong quá trình thực hiện, mọi ý kiến đề nghị sửa đổi, bổ sung quy chế được phản ánh bằng văn bản cho Ban kiểm soát để Ban kiểm soát xem xét quyết định./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Phạm Thị Thắng